Năm thứ nhất. — Số 27 Thứ sáu, 12 Décembre 1941

TRI TÂN

TẠP - CHÍ VĂN - HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Ảnh hưởng văn chương Pháp trong văn chương Việt-nam — *Lê-Thanh*
Đời cung nhân và các quan thị — *Thanh-Sơn*
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (VIII) — *Ưng-Hoè*
Trịnh-Tráng mắc mưu — *Huỳnh-Bá-Hiền*
Nhân dịp hội-chợ Hanoi năm 1941, ta thử đi xem đấu-xảo năm 1866 — *Khuông-Việt*
Phong vị thời xưa — *Chu-Thiên*
Tiền-quân Nguyễn Văn Thành (III) — *Nguyễn Triệu*
Lịch quốc-sử — *Long-Điền Nguyễn-Văn-Minh*
Những ông nghè triều Lê (III) — *Nguyễn văn-Tố*
Nếu phần đông người mình còn chưa biết đọc... — *Hoa-nam và Cây-Thông*
Xứ Tây Bá-lợi-Á — *Nhật-Nham*
Thoát cung vua Mạc (III) — *Chu-Thiên*
Việt-nam văn-học-sử (XV) — *Hoa-Bằng*

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo: 1 năm 6$80 — 6 tháng 3$50 — 3 tháng 1$80
Mỗi số 15 xu
TÒA BÁO ở số nhà 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Ảnh-hưởng văn-chương Pháp trong văn-chương Việt-Nam

LÊ-THANH

MỘT người dù bi-quan đến đâu cũng phải công nhận rằng trong khoảng vài mươi năm nay văn-chương Việt nam ta đã tiến một cách mau chóng lạ thường.

Như vậy là vì văn-chương ta sau khi gây được một cái nền hoàn toàn á-đông đã được chịu một cách sâu xa cái ảnh hưởng của văn chương tây-phương, đúng hơn, văn chương Pháp.

Nay ta thử soát lại xem văn chương ta đã thâu nhận được của văn chương Pháp những gì.

◆

Nhìn lại văn học ta về đầu thế kỷ hai mươi, ta có một viễn ảnh rất buồn rầu. Trong rừng cây cối, qua mấy nghìn năm, không còn đủ sinh-tố để sống.

Nho học già cỗi, văn chương ta cũng theo nho học mà tàn.

Tuy vậy, về phương diện tinh thần và thể cách, văn chương ta còn in dấu vết rất rõ rệt của cái văn đã tàn ấy.

◆

Cũng như văn tàu, cái tinh thần đặc-dị của văn ta là cái tinh thần chính thống.

Đối với quốc-gia, ta chỉ thấy văn gia biểu lộ cái lòng trung quân, ca tụng một cách trực tiếp hay gián tiếp những hành động, những chiến-công của nhà vua; một việc chính của nhà văn.

Đối với gia-đình, tình thân gia-tộc rất mạnh, người ta trước hết sống cho vua, sau đến gia đình, cuối cùng đến mình.

Vì vậy trong văn-chương ít trữ tình.

Nói đến tình-cảm, đến những sự yêu đương của mình làm sao, giữa một nơi mà chính cái thân mình cũng không đáng kể.

Một con đường văn-chương đã vạch sẵn.

Cái kết quả tự nhiên là cái thành-kiến nô lệ. Các văn gia thi-sĩ người nọ bắt chước người kia. Trải bao năm người ta vẫn theo nhau vịnh sông, núi, thằng bồ nhìn, chị hằng nga, chén rượu, thu, đông...

Ta cũng như phần nhiều người á-đông viết văn theo sức cảm thụ của mình, cảm giác phát-động đến đâu, ta viết theo đến đấy. Thành ra không có sự dàn xếp theo lý luận.

Một điều đáng chú ý là nhà văn ít khi nhận đến những cái tỉ-mỉ. Nhìn đối tượng bao giờ cũng nhìn một cách tổng-hợp.

Tả cảnh rừng, núi, cỏ cây, hoa lá, nhà, rợ, chú tiểu, lòng nhớ nước mà chỉ phải dùng có năm mươi sáu tiếng.

Một bài thơ có khác nào một bức tranh thủy mạc, với vài nét phác mà có đủ cả ánh giăng cây nước v.v.

Cái dở của những văn thơ ấy thường là sự luộm thuộm trong, đặt câu. Ý-tưởng và lời lẽ không được minh bạch và chính xác.

Những thể loại cũng không được chia một cách rõ rệt, thể cách — trừ một thể văn thơ phỏng theo đường luật không kể — không nhất định.

a có thể kết luận là văn-chương ta thiếu tinh thần khúc triết.

●

Tinh thần đại-đồng thì hoàn toàn thiếu hẳn. Văn ta, theo quan niệm xưa, hình như chỉ là một thứ dành riêng cho hực thượng lưu trong xã hội; bực ấy làm văn, tả nguyện vọng của mình và để riêng mình hiểu.

Khi nào nhà văn ta nghĩ đến những hạng ở lớp dưới xã hội thì lại cốt để ẩn trong ấy một cái gì của mình. Tôi muốn nói đến lối thơ khẩu khí.

Khi nói đến mình thì dụt dè chỉ dám chọn riêng những tình cảm được người ta đã nói đến nhiều rồi. Vì vậy thiếu sự thành thực,

Một văn chương với những đặc điểm kể trên phải là một thứ văn-chương dùng riêng làm phương tiện tiêu khiển; thơ phú soạn ra chỉ để ngâm nga khi trà dư tửu hậu. Và bao nhiêu người đáng lẽ phải gánh vác lấy cái nhiệm vụ « hướng dẫn quốc dân » phải đứng ra để chịu cái tiếng là một bọn ngồi không ăn dưng.

●

Ngày nay khác hẳn.

Bắt đầu với Tản đà, qua Song-an, đến những nhà văn tân-học, cái trữ tình miên man giãi trên văn chương. Người ta khóc than vì những nỗi đau thương, người ta lý tưởng những mối tình đã mất. Quốc-gia, gần hơn nữa, gia đình đối với một vài người, không còn là gì nữa. Người ta phải sống cuộc đời riêng của người ta trước đã.

Ngày nay sau những sự sụp đổ ghê gớm ở thế giới, người ta đang bắt đầu trở lại sống cho gia-đình và tổ quốc. Văn chương ta có lẽ lại đi ngược lại con đường mình đang đi nghĩa là tự cái cá-nhân ích kỷ đến chỗ gia đình và xã hội.

Về phương diện nghệ thuật ta có thể quả quyết nói rằng ta đã đem về cho văn chương ta những phương pháp diễn tả khoa học hơn.

Không còn cái lối nhìn đối tượng bằng con mắt bao quát để tả một cách lờ mờ một cái gì mà mình có thể tả một cách tỷ mỉ.

Dưới ảnh hưởng của văn pháp, ta đã thêm được lối văn tả chân. Nhiều đoạn văn, nhiều quyển tiểu thuyết của ta ngày nay nếu được dịch ra pháp văn chắc cũng không kém gì văn tây mấy, mà lại có nhiều chỗ tương tự với văn chương pháp.

Bắt chước nhà văn âu-châu, ta đã bỏ hàng ngũ của ta, đi sâu vào xã hội để quan sát. Ta đi làm quen với mọi lớp người của xã hội, nghĩ với họ, ước vọng với họ, sống cái đời hoàn toàn của họ

Coi tiếp trang 4

Đời cung-nhân và các quan-thị «*hoạn-quan*»

THANH - SƠN

KHI trước theo Khổng học, quan-niệm luân-lý Á-đông theo thuyết « nam-nữ thụ thụ bất thân ». Trong dân-gian lấy nó làm tiêu-chuẩn để duy-trì thuần-phong mỹ-tục. Đối với Triều-đình nó đã thành một định-tuật nghiêm-ngặt và khắt-khe vô-cùng. Những tấm nhan-sắc khuynh thành được sách-phong hoàng-hậu, tuyển làm cung-phi, một khi đã từ-biệt tử-phần vào cung-khuyết thì không bao giờ còn hòng được trông thấy mặt cha mẹ, thân-thích, họ hàng, chứ đừng nói tới người ngoài nữa ! Trang tuyệt thế giai-nhân hân-hạnh được vời vào chầu vua tức là đi vào cõi chết. Vì thế, nàng Tiết-Linh-Vân đời nhà Tùy, khi được lệnh tuyển vào cung, nàng đã khóc thảm-thiết dòng-dã mấy ngày đến nỗi những giọt nước mắt đã đỏ ra thành huyết ! Một là vì phải vĩnh-biệt song thân, hai là ngậm-ngùi cho thân-thế mình, rồi đây nó sẽ muôn phần éo le, cay đắng !

Thời quân-chủ chuyên-chế, lòng hiếu-sắc tận-lượng và tính đa-nghi quá đáng của các vị vua chúa Á-đông, đã rầy-vò, làm tan-nát biết bao nhan sắc siêu-phàm. Tần-Thủy-Hoàng đã vô-tình chôn sống 3000 cung-phi, mỹ-nữ trong cung A-Phòng huy-hoàng lộng lẫy ! Cũng chưa ai-oán bằng Tần-Võ-Đế. Vị này có tới một vạn cung-nga, thế-nữ hầu-hạ quanh mình không kể những bà hoàng, bà phi ít ra cũng một ngàn nữa ! Một con số để ta phải suy nghĩ ! Ngay như vua nước Xiêm còn có tới 300 con !

Lắm vợ nhiều con đã đành thế !.. Nhưng với các vị vua chúa thì chưa chắc tục-ngữ đó đã đúng. Trong đám chu-thần chầu-chực đấng quân-vương lắm người đã được sủng-ái một thời. Lắm vị đã lật đổ cả ngai vàng quý báu. Trái lại, đại đa số những bà hoàng, bà phi phải sống những cảnh đời éo-le, khe-khắt thương tâm. Phòng-tiêu, vách-quế phải chăng là chốn chứa-chất những ẩn-tình thống-khổ của các đóa-hoa bạc mệnh ? là nơi giam-hãm những mảnh quốc-sắc thiên-hương bị đầy-đọa trong cảnh cô-đơn, lạnh-lẽo, âm-thầm ! Chả thế, các bà phi, bà hoàng đã phải thốt ra :

Tay nguyệt lão khờ sao có một ?
Bỗng tơ tình vướng gót cung phi !

Phải chăng chỉ vì cá no mồi nên khó dử !... mà ngán thay cho cái én ba nghìn, một cây cù mộc biết chen cành nào ? Giấc mộng xuân vừa say tỉnh bên mặt rồng, thì đấng chí tôn bạc-hãnh đã san-sẻ tấm ái-hà cho một nhan-sắc đắm-nguyệt say hoa khác vừa được vời vào cung, nên mới đem lòng ghẻ lạnh, quên khuấy hẳn cái đêm hôm ấy đêm gì ?...

Đã thế, số kiếp được tuyển vào chín bệ phải chịu lắm nỗi đa-đoan. Muốn gặp mặt, muốn nhắn gửi đôi lời âu-yếm, hoặc than-thở với « đức lang-quân » có phải là chuyện dễ đâu ? Tuy là bạn đầu gối má kề của thiên-tử — cho là bực hoàng hậu đi nữa — không có lệnh vời cũng không giám tự-tiện đến hầu ! Phải có người môi giới, đưa, đón những tin đi, lại từ chốn gác phượng lầu oanh cho đến sân-rồng điện-ngọc. Những người đó tức là các quan-thị. Sao lại không giao trọng-trách đó cho đàn-bà ? Tại vì có lắm điều sượng-sùng, nẫn-nhan, e-ngại, kín-đáo, bí-mật không thể giao-phó cho hạng đàn ông, hay đàn bà sợ phạm đến đức-độ của chốn thâm-nghiêm vương-giả.

Bên Á-đông, tục dùng quan-thị trong cung-khuyết có đã lâu. Bên Tầu, đời nhà Chu, quan-thị gọi là Tử-nhân hay Yêm-Doãn. Đời nhà Hán gọi là Thường-Thị, đến đời nhà Đường đổi là Trung-Quan.

Nước ta, trải bao thế-kỷ sống

Cùng các bạn đọc chưa trả tiền báo

Bản chí xét sổ lại, thấy còn nhiều bạn đọc suốt từ số 1 đến nay vẫn chưa trả tiền báo cho. Vậy giám mong các ngài kíp mua mandat gửi ngay về để tiện việc sổ sách. Đa tạ trước.

TRI-TÂN

dưới chế-độ uy-hiếp của Tàu, nên tập-quán, phong tục, lễ-giáo trong dân-gian đều theo khuôn-mẫu của Trung-Quốc. Nhà vua cũng mô-phỏng đặt các quan thị trong cung-cấm. Triều nhà Lý những hoạn-quan được phong là Hoạn-môn-chi-hầu. Đời nhà Trần gọi là Nội-thị. Đến đời nhà Lê lại đổi ra Tả-Hữu-Thái-Giám. Đến bản-triều, ngạch hoạn-quan chia ra làm 5 trật : 1) Đầu hàng quan-thị là Quan-vụ-thái-giám hay Điện-sự-thái-giám đều tứ phẩm. 2) Kiểm-sự-thái-giám hay Phụng-nghi-thái-giám. 3) Thừa-vụ-thái-giám. 4) Cung-phụng-thái-giám. 5) Thừa-biên-thái-giám.

Cách kén chọn hoạn-quan xưa kia được triều-đình chú-trọng và khuyến-khích nữa. Khi một dân nào có sinh-hạ được một « quan-hoạn » thì các nhà chức-trách phải tới nơi, khám xét cho thật kỹ-càng xem vị đó có thật là « ái-nam ái-nữ » không ? Sau đó phải làm tờ trình và phải dặn-dò thân-nhân chăm nuôi, săn sóc đến « vị đó » tới năm 13 tuổi. Bộ Lễ, chọn ngày « cát » để tiến-cử « hoạn quan » vào cung. Lễ tất nhiên là lễ đó rất long-trọng và phiền-phức. Làng đã có diễm-phúc sản xuất ra vị « hoạn-quan » đó được hưởng chút ơn-trạch : trai tráng miễn đi lính, miễn sưu thuế, phu-phen, tạp-dịch !

Nhiều khi vì thiếu « hoạn-quan » để cung cho việc nhu-cầu trong cung khuyết, nên người ta phải dùng đến cách hơi vô nhân đạo là « thiến » các quan muốn sung vào ngạch ấy. Có lắm trường hợp các quan tự hy sinh để đảm công việc « tối nan » đó vì theo như quan chế triều nhà Lý, những quan muốn noi tới chức tể tướng bắt buộc phải qua ban tập sự hoạn-quan. Lý thường Kiệt thông chế quân vụ đời nhà Lý, một danh tướng đã từng làm quân nhà Tống khiếp đảm, xuất thân ở hoạn quan đấy. Đời tiền Lê, tướng Hoàng ngũ Phúc trước khi vang danh là một kiện-tướng, đã trải qua cái đời quan-thị sống bên cạnh các cung nhân. Ngay bản triều, tả quân Lê văn Duyệt, vị bô thần đắc lực của đức Thế Tổ cũng đã qua cái cầu hoạn-quan.

Nhưng lịch sử đã cho ta hay rằng những quan thị được vua và các bà phi nịch ái, tin dùng thường lắm khi lộng quyền và đi xa quá phạm vi của địa vị mình. Đã lắm ngai vàng bị lung lay, nghiêng ngả hay đổ lộn nhào cũng vì bọn đó. Bên Tầu bọn Thương thị lật đổ ngôi nhà Hán. Những Trung quan mưu tính cuộc đánh đổ nhà Đường. Bên Ta, thời nhà Lê, hoạn quan Hoàng công-Phủ đã làm loạn triều đình và để lại trong quốc sử mấy trang đẫm máu...

Xét hiểu những nỗi đáng ngại của bọn hoạn quan, đức Minh Mạng bèn hạ chỉ cấm các quan thị ngoài việc thị yến, thị tụng trong phòng tiêu, trướng gấm, không được dự việc triều chính. Bá quan văn võ có quyền dâng biểu cảnh tỉnh những vị hôn quân sủng nhiệm bọn hoạn quan.

Từ đó, quan thị đã mất hết quyền thế. Họ chỉ có công việc biên chép vào ngọc điệp những ngày đản sinh của các hoàng tử, công chúa và kín đáo ghi những ngày giờ vua ngự đến phòng các bà tần, bà phi.... THANH-SƠN

Ảnh-hưởng văn-chương Pháp

Tiếp theo trang 2

Ngày nay ta có thể chỉ bất cứ một người việt-nam nào mà nói: « Ô sao anh vô lý thế ! anh tưởng tôi không phải là anh ! »

Nếu có một điểm nhỏ đáng tiếc là trước kia ta đã bắt chước Tàu nhiều quá, hình như ngày nay ta lại bắt chước Tây nhiều quá. Có những người từ cách nghĩ cho đến cách dàn xếp ý tưởng nhất nhất cái gì cũng theo Tây cả. Thành ra ta có một thứ văn đọc nghe rất ngây ngô

Chúng tôi nói đến là nói vậy. Cái điều « quá » ấy rồi một ngày gần đây sẽ mất hẳn.

Sẽ còn lại cho ta cái gì, một nền văn chương không tàu như trước không tây như một số nhà văn bây giờ. Nghĩa là một nền văn chương đã nẩy nở dưới sự dung hòa của hai ảnh hưởng văn chương Trung hoa và ảnh hưởng văn chương Pháp.

Và chúng ta có thể chờ rất nhiều ở nền văn chương ấy.

LÊ-THANH

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, phố hàng Bông Hanoi

◆

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0$35 cước 0$06

Các hiệu sách nên viết thư mua ngay kẻo hết

Nhân dịp hội - chợ Hà - nội năm 1941

Ta thử đi xem đấu-xảo Canh-nông, Công-nghệ ở Saigon năm 1866.

KHUÔNG - VIỆT

TỪ ngày bắt đầu cai-trị ba tỉnh phía đông Nam-kỳ (Biên - hòa, Gia - định Định-tường), người Pháp sốt-sắng lo mở-mang nền kinh-tế.

Tháng Février năm 1866, sau ngày ký hòa-ước 5 Juin 1862 chưa được bốn năm, Chánh-phủ Pháp, không ngại khó-khăn và không sợ thất-bại, bày cuộc đấu-xảo về Canh-nông và Công-nghệ ở Sài-gòn. Cuộc đấu-xảo đầu-tiên ở đất Lục-tỉnh, mà có lẽ là ở toàn cõi Á-đông này, ngoài mục-đích khuếch-trương Canh-nông và Công-nghệ trong xứ, còn để gián-tiếp trả lời cho phái người Pháp đã đề-xướng việc rút quân về, trả đất lại cho Nam-triều ; vì, theo họ, thuộc-địa Nam-kỳ không đủ sức tự cung-phụng, làm tốn hao nhiều cho công-quỹ của Chánh-quốc.

Muốn cho cuộc triển-lãm kinh-tế này đặng phần long-trọng, lớn-lao, thủy-sư đô-đốc De La Grandière có mời ba tỉnh Vĩnh-long, Hà-tiêu, An-giang còn thuộc Nam - triều và nước Cao - mên tham-dự. Ngoài ra, người của Ủy-ban Nông-nghệ còn chịu nhọc đi cổ-động khắp các làng đã thuộc Pháp.

◆

25 Février 1866 là ngày khai-mạc trường đấu-xảo, quang-cảnh châu-thành Sài-gòn khác hẳn ngày thường.

Trên các con đường trải đá đỏ, đầy hang lỗ, hai bên còn nhiều vườn cây trái sum-sê cạnh những ngôi nhà gỗ lợp ngói, thấp lè-tè, người quê kệ chơ nhởn-nha nô - nức. cậu « Mã - tà » sắc - phục vải ka - ki, nón nhọn, nghinh-ngang lớn tiếng chen lấn giữa đám người ngớ-ngẩn khăn lượt áo lương, tay cắp dù, tay dẫn trẻ. Phu khiêng cáng nạt đường inh-ỏi, người trai trẻ nghiêm-trang tề-chỉnh trên mình những con ngựa bé nhỏ cổ đeo dây lục-lạc, xe song-mã, xe « malabar » không dứt tiếng chuông trên chở những vị phu-nhơn lộng-lẫy có các quan-chức người Pháp oai-nghi cưỡi ngựa đi kèm. Người, ngựa, xe, rộn-rịp nhộn-nhàng trong đám bụi đường bay tung-tóe, hợp thành một bức vẽ linh-động đầy màu-sắc địa-phương.

Làn sóng người, ngựa, xe ấy chen chật các nẻo đường : Rue Nationnale (nay là Rue Paul Blanchy), Rue des Moïs (nay là Rue Richaud), route de Biên-hòa (nay là rue Chasseloup-Loubat, boulevard de la Citadelle (nay là Boulevard Luro) và rue de Tây-ninh (nay la rue du Docteur Angier) đi về phía Thị-nghè.

Vui vẻ, náo-nhiệt lạ thường, vậy ta thử theo chưn đám người xưa ấy đi xem cuộc đấu-xảo nông nghệ đầu tiên ở trên đất Việt-Nam nầy, 76 năm về trước.

Dựa bờ rạch Thị-nghè, day mặt ra đường «Route de Biên-hòa », một dãy nhà cây lợp ngói mà xưa nay ai cũng biết là kho chứa khí-cụ của sở thủy-quân, chỗ ấy nay thuộc về vườn bách - thú, phía sau bảo-tàng-viện Blanchard de la Brosse hôm nay lại trang-hoàng thanh-nhã, tạm dùng làm trường đấu-xảo.

Đâu mặt với dãy nhà ấy là một gian trại lá, nơi để các loại thú dự đấu-xảo.

Chính giữa là một cái sân rộng, chưng bày các thứ máy tự bên Pháp chở qua.

Một con đường nhỏ, giữa hai hàng cờ Pháp phất-phơ theo gió, nối liền nhà đấu-xảo với một cái khán-đài cao có treo hoa kết lá là nơi sẽ cử-hành lễ phát phần-thưởng.

Buổi sáng ngày 25 Février 1866, thủy-sư đô-đốc de La Grandière đến khai - mạc trường đấu-xảo. Ông De Jonquières, cầm-đầu «ủy-ban canh-nông và công - nghệ » theo sau có quan - chức Pháp Nam đã có công trong việc chưng bày cuộc đấu xảo này cùng các thân-hào của toàn xứ Nam - kỳ, đón tiếp ngài một cách long-trọng.

Lễ khai-mạc dứt, công - chúng được vào xem.

Căn nhà chánh chia làm ba gian dài, rực-rỡ những cờ những biển có huy-hiệu của Hoàng đế Napoléon III.

Thổ-sản trong xứ không thiếu món nào, chưng bày có thứ lớp trên những bàn hình trái xoan.

Hai mươi bốn thứ gạo Cửu-an, và gạo Tân - hòa, bắp đỏ, bắp trắng, mía đường, mía mật, đậu xanh Bà-rịa, bông-vải Mỹ-tho, tơ sống Biên-hòa, tiêu và huyền Hà-tiên, hàng vải chợ, bàn ghế cẩn xà-cừ, đồ ngà, đồ sừng, da thuộc vân vân..., mỗi vật đều có kê giá bằng chữ pháp và chữ hán.

Giữa nhà là một cái bàn lớn, chật những đồ bằng đồng và các vật quí làm bên Pháp do quan thống - đốc Nam-kỳ gởi đến để tiêu-biểu cho kỹ-nghệ của chánh-quốc

Quốc-vương Cao-mên cũng có gởi hóa vật đến dự đấu xảo, trong số đó có nhiều món bằng vàng chạm trổ tỷ mỷ để riêng tặng hoàng đế Nạpoléon III.

Phía ngoài nơi trại thú-vật, nào là bò, ngựa, trâu, cừu, dê, heo, gà, vịt, ngỗng, bồ câu, rùa. Giữa sân các máy xay lúa, máy dùng để tỉa bông vải, máy lọc đường, may ép dầu chạy rầm rầm xuốt ngày cho công chúng xem.

Tất cả có hơn 500 người đã đem đến hơn 700 món để chưng bày và dự đấu

Người đi xem ngày càng thêm đông, chen lấn nhau trong căn phòng trước kia rộng rãi nay đã trở nên chật hẹp.

Lẫn lộn trong đám đông, ta thấy mấy vị sứ-thần Nhựt-bổn, sang Pháp từ tháng mars năm 1864, nay đáp tàu « Le Cambodge » trở về vừa ghé bến Sài-gòn hôm trước, quan kinh-lược Phan-thanh-Giản, các quan của ba tỉnh phía tây Nam-kỳ, mấy vị hoàng-thân Cao-mên và những viên-chức của Chánh-phủ Pháp như Tôn-thọ-Tường, Đỗ-hữu-Phương, Trần-tử-Ca, đều vui-vẻ thăm trường đấu-xảo.

Người dân quê Việt-Nam từ nơi bùn lầy nước đọng lên tận châu-thành hoa-lệ Sài-gòn xem đấu-xảo, đứng trước những món do kỹ-nghệ Pháp chế-tạo ra và những mỹ-thuật-phẩm cùng tơ lụa trong xứ, họ rất phân-vân trong việc tán-thưởng, vì đối với họ chính những vật trong xứ sẵn có từ lâu mà họ cũng chưa từng trông thấy.

Từ ngàn xưa, trong nước không có một ngọn gió truyền-bá sự tiến-bộ về công-nghệ nào thổi qua, bởi thế dầu cho có những thiên-tài về môn ấy cũng không đặng ai hay biết và thừa hưởng. Do đó nên ngày nay những vật bằng vàng, bạc, những đồ gỗ, đồ xứ, những tơ lụa đem ra chưng bày trong dịp đấu-xảo nầy đã làm ngạc-nhiên người đi xem và chứng tỏ rằng dân Việt-Nam đã sẵn có một nền mỹ-thuật khá tiến-bộ và dễ làm cho trở nên hoàn hảo.

Trường đấu-xảo mở cửa từ ngày 25 février cho đến 3 mars 1866 mới bế-mạc. Hằng ngày buổi sáng từ 7 giờ tới 10 giờ, buổi chiều từ 3 giờ tới 6 giờ, không ngớt người tấp-nập đến xem.

◆

Qua ngày 4 mars cử-hành lễ phat thưởng cho những người đã đặng « ủy-ban kiểm xát » chấm nhận.

Hôm ấy, trước hai giờ chiều công chúng đã đông-đúc tề tựu quanh trường đấu xảo.

Khán đài nguy nga nhờ năm vòng cung tuyệt đẹp kết toàn hoa và la ở phía mặt tiền, nên có vẻ đồ sộ lớn lao của một lâu đài gô tích (gothique).

Một cái thang mười hai bực nối liền khán đai với hai hàng ghế để giữa sân là chỗ ngồi của những người được thưởng. Một toán lính Pháp binh phục chỉnh tề sắp hàng trước khán đài, thêm phần oai nghi hùng tráng.

Đứng trên khán đài cao, bỏ tầm con mắt ra bốn phương, ta thấy lô nhô lúc nhúc người đến xem ăn mặc đủ màu sắc, thành một quangcảnh hoạt động, rực rỡ.

Đại tướng Pélissier, đức giám mục Miche, các vị hoàng thân Cao-mên và các quan Việt-nam của ba tỉnh Vĩnh-long, Hà tiên, An-giang đã an vị giữa khán đài.

Phía hữu là nơi các phu nhơn người Pháp ngồi đông đủ, đầy vẻ kiều diễm phong lưu ; nên đối với người bổn xứ họ là một phần đặc sắc của cuộc lễ này.

Bên tả khán đài, các kiểm sát viên của « ủy ban Canh nông và công nghệ » đều đủ mặt. Ta thấy Tôn - thọ - tường khăn đen, áo thụng xanh ngồi gần tri phủ Trần tử-Ca, tri huyện Nguyễn-văn-Thị và giáo sư Trương-vĩnh-ký. Kế đó là mấy ông Sémane, Carneiro, Mammchdorff, Dunlop, Mettler, người Pháp và Wang-Tai, Tân-Phát người Tàu.

Những phần thưởng bày trên bàn, trước mặt quan khách, gồm có những huy-chương bằng bạc, bằng đồng, những nén bạc và bằng cấp.

Tiếng súng thần công từ xa theo gió chiều đưa lại, báo tin quan thủy sư đô đốc, thống lãnh quân đội Nam-kỳ đã ra khỏi dinh, sắp đến chủ tọa cuộc lễ long trọng này.

Xem tiếp trang 9

PHẬT-HỌC THƯ-XÃ

Sách nấu đồ chay 71 món	0p.30
A-Di-Đà kinh. Có 3 bổn : chữ Hán, quốc - âm, quốc-văn	0 . 25
Di-Đà, Hồng-danh, Vu-lam, Phổ-môn (kinh tụng)	0 . 40
Sự tích Phật A Di-Đà	0 . 20
Phật Pháp vỡ lòng	0 . 20
Chuyện Phật đời xưa có 37 tích rất hay	1 . 00
Du lịch xứ Phật (xứ của đức Phật sống)	0 . 90
Triết-lý nhà Phật	1 . 00
Pháp-giáo nhà Phật	1 . 10
Na-Tiên Tỳ-kheo kinh (cuộc luận đạo rất thâm trầm giữa một nhà vua với một nhà sư)	0 . 80
Sách đóng bìa năm quyển (Truyện Phật Thích-Ca, du lịch xứ Phật Đạo-lý nhà Phật, chuyện Phật đời xưa, van-minh nhà Phật) mạ chữ vàng.	5 . 50

Gởi mandat, phụ thêm 10 ʃ. cước phí.

Địa chỉ : Monsieur
ĐOÀN - TRUNG-CÔN
143 rue de Lanpain Saigon

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ Số 8

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XVIII

Cung oán

Ngắm xem phong-cảnh lắm chiều xinh,
Nào lúc nào không mối thảm quanh!
Bóng chếch âm-thầm ban tối vắng,
Đèn tàn bầu-bạn thuở đêm thanh.
Dập-dìu ngứa mắt uyên làn cánh,
Láo sáo chêu ngươi liễu rủ cành,
Xuân cớ chi mà riêng duồng-dẫy,
Sáu cung đã mấy mặt khuynh thành!

◆

Hiu hắt hơi may lọt bức the,
Bài sầu kẽ vách lối cầm ve.
Giăng lồng cửa sổ trông càng thẹn,
Lá nổi doành Nhâm nhặt lại e.
Thời dệt dây đào khuây giấc bướm,
Ngại đưa cành trúc lấy lòng dê.
Ơn trên ấy những đâu nhiều bấy,
Chuông trống bên tai luống vẳng nghe.

◆

Nồng phai thắm nhạt thế làm chi!
Hoa dẫu tươi chăng cũng một thì.
Sa ấm đã đành duyên phận thế,
Xôn-xao kia những vẻ vang gì?
Đắn do đã mấy người vàng ngọc,
Duồng dẫy thôi càng tiếng bấc chì!
Mượn cuộc phong lưu làm khuấy khuất,
Phiếm đàn chén rượu gợi sầu bi!

Trích ở Quốc-âm thi-ca tạp - lục, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-Cổ, số A B 296, tờ 10b—11a) (1).

XIX

Đi tu

Mặc duyên mặc phận cũng đầu ai,
Biết vậy thương yêu chớ vật nài.
Nguyền nọ trăm đường chưa một vẹn,
Lòng này chín ước đã mười sai!
Quả mai đã vậy dù ba bảy,
Buồng quế thôi đừng tưởng một hai.
Vì gọi Màu ni nào pháp nhiễm,
Xin đưa thân gái đổi làm giai.

◆

Thoắt vào đầu dựa nước non nay,
Bạc mệnh hồng nhan ngẫm ngán thay!
Tiếng kệ câu kinh nghe đỡ tưởng,
Mũi kim đường chỉ mượn làm khuây.
Sóng trồn bể ái tuôn đòi lớp,
Lửa nhớ (2) lò phiền chất dồi ngày.
Mấy kẻ bề ngoài cho biết nhỉ,
Chẳng nơi quyền quý cũng là may.

Trích ở quốc-âm thi-ca tạp-lục, tờ 11b — 12b).

◆

XX

Ghềnh con mèo

Phong cảnh nhìn xem chỉn lạ nhiều,
Bờ ghềnh có núi gọi con Mèo.
Tăm kình đáy nước đầu xanh ngắt,
Trông thỏ cung giăng mặt mốc-meo.
Chẳng ở nhà dân vui ấm-áp,
Bỗng ngồi non quỉ vắng treo-leo.
Cáo thành hươu-xã đà không hết,
Khét tiếng nhơn nhơn lọt ải Beo.

(Trích ở Quốc-âm thi-ca tạp - lục tờ 14a.)

XXI

Ghềnh Nga

Ngoài ngã tư, trong ngã ba,
Ngang một lạch gọi Ghềnh Nga.
Chênh chênh mấy dịp con cầu trúc.
San-sát nghìn tầm cái trệ la.
Ác xuống chợ chiều đen ngỡ mực,
Hồ về cây tối trắng nhường hoa.
Phao tung cảnh mọn công khi ấy,
Tám bức giang thiên một đỉnh già.

(Trích ở *Quốc-âm thi-ca tạp-lục*, tờ 16 b).

◆

XXII

Ngã ba Ngu

So khắp lừng lừng cõi Ái-châu,
Vui nào hơn nữa ngã ba Ngu?
Hai hòn hoa biển rùa nhô cổ,
Mấy lạch đào nguyên giải sắp mu.
Buồm vải lưỡi gà treo chếch-chếch,
Sào ghềnh mang bống dãi khu-khu.
Có người hiếu sự công khi ấy,
Châm-chước mỗ bầu hứng mỗ câu.

(Trích ở *Quốc-âm thi-ca tạp-lục*, tờ 17 a).

◆

XXIII

Tứ ẩn tương thoại

Đêm rượu ngày nhàn họp bốn người,
Đều vui sở thú rủ nhau chơi.
— Con trâu tớ béo, gạo ngươi trắng.
— Bó củi ngươi nhiều, cá tớ tươi.
— Chán thuở thái-bình, ngươi mỉm tớ.
— Chứa lòng ưu-ái, tớ cùng ngươi.
Cắp cầm con Tuyết tình-cờ tới,
Bỏ nón lui chân thốc-thốc cười.

(Trích ở *Quốc-âm thi-ca tạp-lục*, tờ 15 a).

◆

XXIV

Thợ cấy muốn lấy chủ nhà...

Vấn « thợ cấy muốn lấy chủ nhà, học trò muốn mò con gái », kỳ cố hà dư? Tôi với cô chẳng duyên thì nợ, cô với tôi chẳng vợ thì chồng, kỳ vi tương hước chi từ cố dã. Nãi kê chi ngan viết: « Ai về Đồng-tỉnh Huê Cầu (3) để thương, để nhớ, để sầu cho ai »? Diệc hà vi nhi phat dả?

Thả phù, tham tài tham sắc, thượng lịch thượng thanh, nhân-tình ai cũng thế, huống chi cô thợ cấy, anh học trò vậy ru?

Tưởng khi góc ruộng đầu bờ, theo thợ cấy sớm trưa chi cúi-cắm. Chị em ơi, tiếc phận hồng-nhan, ai là cầu ô chi bắc? Chủ nhà mà phong-lưu phú-quí, khả sẵn-sàng tổ ở chi cưu; tức may ra làm mướn hóa làm bà, buông tay mạ sỏ chân hài, đắc bất hữu trong lòng chi ao-ước.

Có lúc dưới đèn trên án, theo rừng nho ngày tháng chi dùi-mài, giời đất nhẽ giúp công hoàng quyền, ai là gà gáy chị khuyên, con gái mà yểu-điệu u-nhàn, khả sớm-sủa bói lành chi phượng; tức may ra gặp tiên, lại gặp bước, rẽ đào-nguyên vào

cửa động, đắc bất vi mở lối chi dò-la : ý sở muốn lấy muốn mò, chức thử cố dã

Hạt bất quan nam nữ chi cập thời hồ, giai lành gái tốt, gặp-gỡ vui chơi, nên chăng thì cũng duyên giời, chẳng nên cũng ướm mấy nhời xem sao ? May mà quân-tử xiết bao, tình riêng với khách hồng-đào nhởn-nhơ, kỳ vi tương hước chi từ cố dã.

Thấy chưng phương - ngôn rằng : « Ai về Đồng-tỉnh Huê Cầu (3) để thương, để nhớ, để sầu cho ai ? » Ý rằng nỏ nang chợ-búa, đủng-đỉnh sớm trưa : ấy Đồng-tỉnh Xuân-cầu chi con gái, chốn thị-xứ ghế mây dóng ngồi khéo lả-lơi. Khách lại cô chào, thuyền tình ai bước chân vào, miếng giầu cô tốt, thuốc lào cô ngon, còn non, còn nước, còn dài, cô còn giầu thuốc, anh còn say-sưa.

Bỗng không ngờ mây mưa đôi ngả, nay gió mai mưa, để điếu ngần-ngơ, túi đã ngán Xuân-cầu chi thuốc, hỏ bình nhơ-nhác, khay cũng không Đồng-tỉnh chi giầu. Thương về một nỗi xa nhau, nhớ g ầu nhớ thuốc nên sầu tương-tư. Cô sao chềnh-mảng bấy giờ, để anh thờ-thẫn thần-thơ, mong mỏi dãi nguồn cơn chi ngán, thử ngạn chi ngôn, cái hữu do thử nhi phát dã.

(Theo quyển *Thi-ca nam-âm* sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 164, tờ 34a-35a). (4)

◆

XXV

Côn-sơn ca (5)

Núi Côn-sơn suối trong nước chảy, ta nghe như đàn gầy bên tai ; đá Côn-sơn mưa sạch trần-ai, ta có sẵn chiếu ngồi vui thú. Trong muôn trượng dãy tùng reo múa, ta thường thường thức ngủ nằm khênh ; ngoài nghìn mẫu trúc xanh man-mát, ta thường thường ngâm hát gần kề Hỏi ai sao chẳng đi về, nửa đời danh lợi mệt-mê trong vòng, lọ là cửu-đỉnh vạn chung, cơm rau nước lã cũng xong tháng ngày. Ai chẳng thấy Đồng-Trác nọ vàng đầy kề hốc, Nguyên-Trí kia kề hộc hồ-tiêu ? Lại chẳng thấy Di, Tề (6) nằm queo núi Thú (7), thóc không ăn, đói rũ mà đành : hiền ngu hai lối rành-rành, chẳng qua mình thích trí mình mình thôi. Trăm năm trong cõi người đời, ai là thoát khỏi bạn loài cỏ-cây, bi-hoan như cuộc bóng quay, truyện đời một giả một vay thôi mà ! Tình-cờ đâu đó cũng là, ai vinh ai nhục lúc đà hết hơi. Sào, Do (8) như có đương-thời, bảo nghe trong núi có người ngâm thơ.

(Theo quyển *Quốc-văn tùng-ký*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 383, quyển hạ, tờ 88a).

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ
biên-tập

---

1) Những bài trích ở quyển *Quốc-âm thi-ca tập-lục* in ra quốc-ngữ lần này là lần đầu, làm thế nào cũng có chữ nhầm lẫn : độc giả có bản nôm nào khác với bản của Bác-cổ, xin cho biết để bổ chính lại cho thật đúng. Cả những bài chép ở dưới cũng vậy, chưa ai in ra quốc ngữ.

2) Có người chữa là « Lửa đốt lò phiền ... »

3) Huê cầu : trong câu hát vẫn hát là Huê cầu, nhưng bản chữ nôm của trường bác cổ thì chép là xuân cầu ; ngày nay là Xuân cầu, huyện Văn giang, tỉnh Bắc ninh.

4) Bài văn sách « Thợ cấy muốn lấy chủ nhà » không rõ của ai.

5) Côn sơn ở Chí linh (Hải dương). Bản chữ Hán bài « Côn sơn ca » của ông Nguyễn Trãi (1380-1440 ; xem *Tri-tân* số 26, bài *Những ông nghè triều Lê*) in trong *Hoàng-Việt văn-tuyển*, quyển một, tờ 20 b ; Viên Dao diễn ra quốc âm, đúng như nguyên văn nhà nho duy có ba câu hơi lạc nghĩa : một là « nham trung hữu tùng, vạn cái thúy đồng đồng » (trong núi có cây thông, muôn lá xanh mơn mởn), dịch là « trong muôn trượng dãy tùng reo múa » ; hai là « bán sinh trần thổ trường giao cốc » (nửa đời bụi đất nhựa cùm dài) dịch là « nửa đời danh lợi mệt mê trong vòng » ; ba là « nhất sinh nhất tạ hoàn tương tục, thưởng sơn hoa ốc diệc ngẫu nhiên » (một tươi một héo lại cùng nhau, lẽ núi nhà sang cũng thế vầy), dịch là « truyện đời một giả một vay thôi mà ».

6) Bá di và Thúc Tề, con vua nước Cô-trúc, đời nhà Thương.

7) Thi dương, ở phía tây nam huyện Lũng tây (tỉnh Cam túc bên Tàu).

8) Sào phủ và Hứa đô, người đời thượng cổ vua nghiêu nhường ngôi, đều từ chối. Sào phủ ở núi, dùng cây làm tổ, ngủ ở trên, cho nên gọi là Sào phủ (sào là tổ chim) Hứa-đô tên tự là Võ Trọng, cũng ở núi, không doanh lợi.

Thống chế Pétain đã nói :

« Hỡi nhân-dân Pháp, các « người thật có một trí nhớ « ngắn-ngủi !

« Có nên nói để các người « biết sự gắng công vĩ đại của « nghiệp nông ta, đã cầy cấy lại « được hàng triệu mẫu ruộng « tuy rằng hàng triệu nông dân « đương bị giam giữ ?

« Có nên nói để các người biết « thiếu niên ta đương luyện cho « thêm hình cứng cáp và linh « hồn mạnh mẽ ?

« Có nên nhắc để các người « biết những lời phẫm kết của « các nước chung lập đối với « ta và sự tôn trọng của họ đối « với nền phục hưng đầu tiên « của chúng ta ».

Những ông nghè triều Lê

SỐ 3

Ứng-Hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

ÔNG *« đọc quyền » thứ hai* về khoa Nhâm-tuất (1442) là thị-lang Trung-thư-tỉnh **Nguyễn-mộng-Tuân**, người ở Viên-Khê (Đông-sơn). Năm Thái-hòa thứ sáu (1448) giữ chức tả-nạp-ngôn, đi khám-xét biên-thùy, « Lúc bấy giờ ở Đông-đạo nói có sứ nhà Minh sang. Vua Nhân-Tôn sai tham-tri ở Đông-đạo là Trình-Dục đi trước dò-la. Dục về tâu rằng: khâm sai nhà Minh họp với quan chức ở Quảng đông đem sang nhiều binh-mã. Vua sai tư-khấu là Lê-khắc-Phục, tả hữu nạp-ngôn là Nguyễn-mộng-Tuân và Nguyễn-văn-Phú, hữu thị-lang là Đào công Soạn, trung thừa là Hà-Lật, Tây đạo đồng tri là Nguyễn-thúc-Huệ đi ra trước ở biên giới đợi khám-xét. Sai đồng-tri ở lộ Nam-sách là Lê-Thiệt lĩnh hơn một vạn quân, họp với quân ở trấn An-bang đi tuần ở biên-thùy. Lại tư sắc cho Đông-đạo sắm-sửa khao quân: trăm họ vì thế bối rối. Kịp lúc đến biên thùy, ở hàng tuần hàng tháng không có tin tức gì, sau mua hàng hóa của Tàu trở về, nói dối là nhà Minh sai quan nói về việc khác cho nên không đến. » (Cương mục, chính biên, quyển 18, tờ 1 b). Tuy đoạn sử này và đoạn sử trên kia chỉ nói qua đến Nguyễn mộng-Tuân và Triệu-Thái, song cũng nhân thế dịch ra đây, để có tài liệu mà xét những « việc rắc-rối » sẩy ở biên-giới đã gần 500 năm nay.

Ông « đọc quyền » thứ ba là tri-sự Nội-mật viện **Trình-thuấn-Du** Trên mặt bia khắc là *« Trần thuấn Du »* nhưng xét ra là chữ mới khắc lại vào khoảng Tự-đức. *Cương mục* và *Đăng khoa lục* đều viết là « Trình thuấn Du » Ông là người ở Tân-đội (có sách viết là Tân-hưng, Duy Tiên) đỗ khoa minh-kinh năm Thái-Tổ Thuận thiên thứ hai, là năm 1429. Làm quan đến Tuyên lực đại phu nhập nội hành khiển hàn lâm viện chỉ tri tam quán sự kiêm khu mật viện sự nhập thị kinh diên. Hiệu là Mật liêu (*Đăng khoa lục* quyển 1, tờ 2 a). Năm Thiệu-bình thứ hai (1435) vua Thái Tôn (1433-1442) ở trong cung hay đùa bỡn với những kẻ hầu gần. Các quan đại thần tâu xin lấy lũ Lê Trãi (xem sự tích Nguyễn Trãi chép ở số trước) và Trình thuấn Du cùng với các đại thần cắt lượt nhau vào trầu kinh diên (nhà sách). Vua giả tờ tấu, không nhận » (*Cương mục* quyển 16, tờ 26 b)

Ông *« đọc quyền »* thứ tư là ông **Nguyễn-tử-Tấn** (có sách chép là Lý-tử-Tấn). Người Thượng-phúc (Thanh-hóa), đỗ thái-học-sinh nhà Hồ, làm quan nhà Lê đến Hàn-lâm-viện học-sĩ, học-vấn uyên-bác, văn-chương điển-trọng, làm tờ chiếu tờ cáo tựa chiếu-cáo đời Hán, làm thơ-phú tựa thơ-phú đời Đường Có soạn bộ *Chuyết-trai văn-tập*, *Đăng-khoa lục*, *Hoàng-Việt thi-tuyển* và chép sự-tích những người ở làng ông được ra làm quan (theo *Đại-Nam nhất thống chí*, đời Tự-đức, *Hà-nội tỉnh*, sách viết bằng chữ nho của Trường Bác-cổ, số A 69 tờ 59b).

●

Bia khoa nhâm-tuất (1442) cũng như bia khoa mậu-thìn (1448), không hề chép đến nguyên-quán và sự-nghiệp các ông nghè, chỉ đề tên với phủ huyện mà thôi. Muốn biết rõ, phải tra sách nho, như quyển *Đăng khoa lục*, *Lê-triều lịch-khoa tiến-sĩ đề-danh bi-ký*, *Lịch-triều hiến-chương loại-chí*, *Đại-Nam nhất thống chí* (đời Tự-đức), v. v. Từ trước đến giờ chưa ai tra đến; nay chúng tôi bắt đầu, không khỏi sai-nhầm thiếu-thốn; song cũng cố làm để bổ-cứu cho một đoạn sử nước nhà.

Bia khoa nhâm-tuất (1442) chép ba ông nghè đệ nhất giáp, « cho làm tiến-sĩ cập-đệ ». Ba ông ấy là: Nguyễn-Trực (huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên), Nguyễn-như-Đỗ (huyện Thanh trì, phủ Thường-tín), Lương-như-Hộc (huyện Tường-tân, phủ Hạ-hồng) ».

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Hộp thơ

Ô. Hoàng-tất-Phùng, Thanh hóa — Bản chí không nhận được mandat của ông, ông vui lòng gửi giả tiền báo cho

Mấy chuyện lý-thú trong làng khoa cử cũ

Thần-khẩu linh-linh

ĐỜI nhà Trần, Cống-sinh Đào-sư-Tích, người làng Cổ-lễ, huyện Nam-trực — tỉnh Nam-định bây giờ — khoa ấy đi thi hội, ra ngõ gặp đàn-bà, Đào phàn-nàn về sự « gặp gái », toan trở về, người đàn-bà ấy nhanh-nhẩu, nói chữa ngay rằng :

— Ông đi thi khoa này, thế nào cũng đỗ Tiến-sỹ, gặp gái có hại gì.

Đào giận-giỗi nói :

— Tôi không thèm đỗ Tiến-sỹ.

— Không thèm đỗ Tiến-sỹ thì đỗ Trạng-nguyên có được không.

— Được !

Quả nhiên khoa ấy Đào-sư-Tích đỗ Trạng-nguyên.

Khoa sau cũng có một cống-sinh hay chữ có tiếng, người ta truyền tụng là « ông Thánh-non », khi đi thi hội, qua đò ngang, lái đò thuật chuyện :

— Đêm qua tôi thấy Thần báo mộng hôm nay sẽ có quan Nghè mới sang đò.

Ông Thánh-non tác sắc mắng ngay :

— Ai thèm làm ông Nghè :

Chủ ý ông Thánh-non muốn bắt chước ông Đào-sư-Tích để đòi đỗ Trạng-nguyên. Không ngờ người lái đò đần độn, bị mắng chỉ lặng yên. Chuyến đò sau lại có một Cống-sinh sang ngang, lái đò lại thuật lời thần-mộng và phàn-nàn về nỗi bị mắng bởi « ông Thánh-non », Cống-sinh vui vẻ nói :

— Thôi được, anh kia không thèm làm Ông-Nghè, thì để tôi làm vậy.

Thế rồi khoa ấy, Cống-sinh Mỗ đỗ Tiến-sỹ, còn ông Thánh-non chỉ là « Ông Thánh-non » cho mãi đến già.

◆

Lại có một Cống-sinh đi thi hội, làm lễ kỳ-khoa, đêm thấy Thần-nhân báo mộng rằng :

— Cứ về hỏi mụ Giáp trong làng, hễ mụ bảo đỗ gì thì đỗ ấy.

Giáp là một mụ đàn-bà thô-bỉ dốt-nát, chua ngoa có tiếng, ai động hỏi mụ là mụ văng ngay chửi cùn rẻ rách, bất cứ là hỏi điều gì. Cống-sinh liền lập mẹo, khi gặp mụ Giáp thì chỉ vào mụ mà rằng :

— Mụ này « Tiến-sỹ » nhỉ.

Mụ Giáp chẳng hiểu « Tiến-sĩ » là thế nào, tức thì nổi tam-bành, xỉa xói vào Cống-sinh :

— Anh « Tiến-sỹ » có được không, sao lại bảo gái này « Tiến-sỹ » :

Cống-sỹ vội vàng nói :

— Vâng thì tôi « Tiến-sỹ ».

Quả nhiên khoa ấy, Cống-sinh mỗ đỗ Tiến-sỹ.

◆

Ông Đặng-đình-Tướng — đời Lê Cảnh-hưng — ngoài 20 tuổi đỗ Cống-sinh, thi hội luôn mấy khoa đều hỏng, một đêm thấy Thần-nhân báo mộng :

— Anh 60 tuổi mới đỗ Tiến-sỹ.

Khi tỉnh giấc, Đặng cầm bút viết ngay một bài thơ quốc-âm :

« Sách thuộc văn hay sự chẳng ngờ,
« Trong ba mươi tuổi đỗ đương vừa.
« Thần-nhân chẳng biết mà rằng vậy,
« Đến sáu mươi thì đã Thượng-thơ.

Khoa ấy Đặng đỗ Tiến-sỹ vừa 36 tuổi, khi tăng đến Thượng-thư thì vừa chẵn 60

◆

Lại một Cống-sinh trẻ tuổi hay chữ, cũng nằm mộng thấy Thần bảo ngoài 30 tuổi mới đỗ tiến-sỹ. Cống-sinh cũng ngâm một bài quốc-âm sau khi tỉnh dậy

« Tiến-sỹ khoa này ta lấy tươi,
« Can gì mà đợi đến ba mươi
« Thần-nhân chẳng biết mà rằng vậy.
« Nên ở người ta hả ở trời.

Khoa ấy Cống-sinh đỗ Tiến-sỹ mới 28 tuổi.

Làm dả hóa thực

Một Cống-sinh khánh kiệt gia tài vì đi thi, mà thi luôn mấy khoa không đỗ. Năm ấy gần đến khoa thi, không sao xoay được tiền lộ-phí, vì vay mượn đã hết chỗ, bèn nghĩ ra một mẹo : Chờ đêm 30 tết, cắp một cái loa đồng lên trèo lên ngọn một cây cổ thụ đầu làng, cất tiếng hô lên rằng :

— Ta phụng mệnh trời phóng bảng, khoa này sẽ cho tên mỗ người làng mỗ đỗ Tiến-sỹ.

Giữa đêm thanh vắng, bốn bề im lặng, tiếng ấy lọt vào tai mọi người trong xóm, ai cũng lấy làm kinh ngạc và mừng thầm cho Cống-sinh. Hôm sau, người làng tranh nhau đến thăm và thuật lời Thiên-thần phóng bảng đêm qua, Cống-sinh tảng lờ như không nghe biết mà rằng : — Tôi tự xét mình học kém, vả cũng không sao xoay sở được tiền hành lý, nên khoa này đã định không đi thi nữa.

Nghe nói ai nấy đều khuyên cứ nên đi, và tranh nhau giúp tiền lộ-phí. Khoa ấy quả nhiên Cống-sinh đỗ Tiến-sỹ. Trong khi Cống-sinh vác loa trèo lên ngọn cây, có người Xã-trưởng trong làng đi săn đêm, nép ở ruộng lúa, những cách hành động của Cống-sinh, đều nghe thấy rõ ràng. Khi Cống-sinh thi đỗ, về vinh qui bái tổ, người làng đến

Xem tiếp trang 16

Phong vị thời xưa

Một buổi học sáng ở trường học chữ nho xưa

TÂM đến trường đã đông đủ học trò. . . . Buổi họp sắp-sửa bắt đầu. Học-trò vây quanh giường ông đồ, vòng trong, vòng ngoài. Những đứa bé ngồi sát, để sách lên giường, còn các trò lớn đứng quanh quẩn ở ngoài. Một đứa mang đĩa son ra bể lấy nước mài đã về, để đĩa son lên giường. Màu son đỏ tươi phủ kín đĩa, lố-nhố những bóng bọt nổi lên rất đẹp. Hòn son nhẵn thín nằm gọn lỏn ở giữa đĩa như hòn núi giả trong cái bể con. Ông đồ cầm lấy bút dầm ngòi vào nghiên, lấy son ra chấm sách. Tay ông thoăn-thoắt điểm rất nhanh. Thỉnh thoảng ông sổ một cái ngắn, hay khuyên tròn nhỏ như cái cúc áo. Một chồng sách cao để trước mặt ông phút chốc đã hết, đoạn ông viết mấy bài mới cho những đứa trẻ mới học.

Rồi buổi học bắt đầu. Đứa ngồi gần chỉ tay vào sách, đứa đứng ngoài chĩa sách vào, chúng thi nhau hỏi, tranh nhau đứa nọ cướp lời đứa kia!

— Thưa thày, chữ gì đây?

— Bẩm thày, câu này nghĩa là gì ạ?

Ông đồ ngảnh đi ngảnh lại, miệng nói, tay trỉ luôn luôn không ngớt, lắm lúc mồm bắn cả bọt ra... Tâm trông đến bay Thỉnh thoảng trố mắt lên nhìn ông đồ và lũ học trò, Tâm thấy giống như đàn chim con thấy mẹ về, nghển cổ đòi ăn vậy. Thế mà có đứa hỏi ba bốn lần mới được một câu. Lác đác vài đứa ở xa đến chậm, ông đồ ngừng lại chấm sách, trong khi học trò vẫn học ồn ào.

Tâm may được ngồi gần ông đồ, học bài mới, ông chỉ tay bảo luôn, không phải hỏi. Tâm rang rãng học:

— *Thượng đại nhân, Thánh ất dĩ, hóa tam thiên, thất thập sĩ. Nhĩ tiểu sinh, bát cửu tử, giai tác nhân, khả tri lễ dã.*

Đương học ồn ào, tự nhiên tiếng roi đập luôn mấy nhát xuống giường ra hiệu im. Tất cả đều thôi học và lặng lẽ ngảnh mặt ra cửa: một người đàn bà tất tả lâu tau thưa:

— Bẩm lạy thầy, thằng Bân nhà cháu trốn học, lười biếng, lại ương ngạnh nữa, về nhà bảo không nghe. Cháu đã lôi lại được đây! Xin thày đánh cho nó chừa, chúng chau được nhờ.

Tâm trông ra thấy thằng Bân đương khóc sướt-mướt trong tay mẹ nó. Tâm lại nhìn ông đồ. Mặt ông đỏ bừng, mắt ông long lên, ông bảo bà kia rằng:

— Được, bà cứ về, để nó đấy tôi!

Rồi ông sai ba đứa học trò lớn lôi thằng Bân vào, nọc căng xác ra. Một thằng đè đầu, một thằng kéo hai chân, một thằng giữ quặt hai tay lên lưng: Bân nằm như con ếch ở dưới đất, mông đít trật ra để nhận lấy những roi! Vút! vút! vút! rồi cứ luôn luôn vụt xuống đít, những cái lằn nổi lên như những con đỉa đui! ông đồ vừa vụt vừa dọa-nạt, răn bảo. Bân quằn-quại khóc không ra tiếng nữa.

Cả trường đều im-lặng, ai nấy đều sợ-hãi, nhất là Tâm. Khi ông đồ vụt đã mỏi tay và đã thay roi rồi, Bân chỉ còn ức-ức không nói được câu «*Lậy thầy, con xin chừa*», ông đồ mới thôi đánh, cho Bân đứng dậy, bắt lễ bốn lễ, rồi mới cho về chỗ ngồi.

Bân chập-choạng đứng lên như người say rượu, lễ xong bò về xó nhà, còn nức nở khóc mãi.

Học trò lại bắt đầu học:

— Thưa thày, chữ gì đây ạ?

— Bẩm thày, chữ «*minh*» nghĩa là gì?

Ông đồ bảo:

— «*Minh*» là sáng, «*thông minh*» là «*thông sáng*»

Chúng lại thi nhau hỏi; ông đồ lại mỏi mồm bảo. Trong trường ồn ào như chim vỡ tổ

Tâm cũng cố học nhận lấy bài mới;

— *Thượng đại nhân, Thánh ất dĩ...*

Tâm chợt nhớ đến đêm hôm rằm tháng giêng vừa rồi, đi xem hát trèo, bọn phường trèo cũng học bài như thế, mà sao chúng học vần-vần là kia, Tâm hằng còn nhớ: «À phải rồi! hay chúng học cả nghĩa.» Tâm nghĩ vậy cũng thuận mồm học theo:

— Rước vua đi trước là *Thượng đại nhân*; quân thần theo sau là *Thánh ất dĩ*; hai bên thủ thỉ là *Nhĩ tiểu sinh*; quan viên tế đình là *Khả chi lễ dã*.

Mọi học trò và cả ông đồ đều phá ra cười, rồi im hẳn. Ông đồ bảo Tâm:

— Ai bảo mày thế?

Tâm sợ tái mặt, thưa:

— Bẩm thày, con học nghĩa!

— Nhưng ai dạy mày?

— Bẩm thày, con học theo phường trèo!

Lại một chặp cười nữa. Rồi ông đồ nghiêm-trang dõng dạc nói:

Từ rầy, hễ chữ nào không biết thì phải hỏi. Không được học láo nhá, hễ học sai là mười roi này, nghe chưa?

Tâm run run thưa:

— Lạy thày, vâng ạ.

CHU-THIÊN

VĂN-thể bức thư đó hơi theo lối biền ngẫu nhưng không bó-buộc câu nào cũng phải đối nhau và đối thật chỉnh. Về sau, bài chiếu thiên đô ra Thăng-long của vua Lý-Thái-Tổ cũng viết giông giống lối văn như bức thư ngoại-giao của nhà Tiền Lê đây. Vậy biết khoảng đời Đinh, Lê, lối văn biền ngẫu cũng đã góp mặt trên đàn văn Nam-Việt rồi.

Còn ai là tác-giả bức thư kia ? Không thấy sử sách nói đến ! Song, ta có thể đoán : phi ông Đỗ Pháp-Thuận thì ông Ngô-Chân-Lưu. Vì hai ông đã là tay cự phách trong văn-giới đời Đinh, Lê, lại vui lòng giúp việc văn hàn cho quốc-gia bấy giờ, thì khi có việc quan-trọng như việc viết thư sang Tàu đây, thể nào vua Đại-Hành lại không phải nhờ đến tay hai ông đó.

CHƯƠNG THỨ TƯ

VĂN-HỌC ĐỜI LÝ
(1010-1225)

TIẾT MỘT
Tổng-luận

Trước làn khói hương tôn-sùng của đời Lý, trong tam giáo, đạo Phật được đứng đầu hàng. Vì Lý-Thái-Tổ đã là con nuôi sư Lý-Khánh-Văn, lại là đệ-tử sư Vạn-Hạnh. Từ cửa Thiền bước ra, nhảy lên cầm quyền một nước, lẽ tất nhiên phải đãi đạo Phật bằng con mắt đặc biệt khác thường.

Thì lịch-sử đã làm chứng việc Lý sùng Phật :

Lý Thái-Tổ bỏ ra hai vạn quan tiền dựng tám ngôi chùa ở phủ Thiên đức. Trong và ngoài thành Thăng-long lại kế-tiếp nổi lên chín ngọn chùa (trong thành 2, ngoài thành 7), ấy còn chưa kể việc xây chùa Chân-giao, mời sư tụng kinh là khác.

Ngay từ lúc mới lên trị vì, ngài đã để việc sùng Phật lên trên hết mọi sự : đặt phục sắc cho tăng đạo; độ cho chư tăng trong nước. Lại sai Nguyễn Đạo-Thanh sang Tống, cầu xin Tam tạng kinh. Khi sứ giả quay về, ngài sai sư Phí-Trí sang đón kinh tận bên Quảng - tây, rồi đem về chứa trong kho Đại-hưng của nhà-nước.

Các vua nối sau cũng chung một tín ngưỡng đó : Lý Thái-Tông dựng chùa Diên-hựu (tức chùa Một cột) ở thôn Thanh-bảo.

Lý Thánh xây tháp Báo-thiên cao 12 từng, bỏ ra 12 000 cân đồng để đúc chiếc chuông lớn (hồng chung).

Lý Nhân xây hơn một trăm ngôi chùa, đặt ruộng tam bảo, chia chùa các lộ trong nước làm ba hạng danh lam : đại, trung và tiểu. Lại phong hiệu quốc-sư cho ông Khô-Đầu ; hễ có quốc-sư, ngài thường bàn hỏi với.

Đó, đời Lý mộ Phật là thế ! Hoàn cảnh bấy giờ đầy những không-khí thiền là thế ! Vì vậy văn học đời đó chịu ảnh-hưởng Phật học rất nhiều.

Nhưng có điều này xảy ra trong chỗ không ngờ :

Đinh, Lê chuyên sùng Phật học : mấy trào đầu đời Lý cũng dốc một lòng, trông một đạo ấy. Trước năm Thái ninh thứ 4 (1075) đời Lý, nghĩa là trước khi vua Nhân Tông đặt ra phép thi ba kỳ để kén những người minh kinh, bác học, dẫu ai thông-minh tài giỏi đến đâu cũng phải do đường thích đạo mà ra cả. Vì vậy, họ phải nghiên cứu kinh tạng, sâu hiểu lẽ thiền, mới mong giỏi về văn học, sẽ có hi-vọng xuất thân. Một khi khoa cử đã đặt, không cần đi theo đường cũ, cũng có thể trèo được thang mây, lẽ tất nhiên họ sẽ sao-lãng dần dần về mặt Phật học.

Vả từ năm 1070, vua Lý Thánh Tông đã lập Văn miếu ở thành Thăng long (tức Giám ở Hà nội bây giờ) để thờ Khổng tử và các tiên hiền. Trong chỗ vô tình, hai việc đó đủ lôi kéo quốc dân dần dần khuynh hướng về mặt Nho giáo. Quả nhiên, đến đời Lý Anh Tông, Nho giáo đã nhảy lên ngang hàng với Phật, Lão, lập thành trận thế « ba chân kiềng » đứng vững dưới trời Nam Việt. Cho nên, năm 1311, nhà Lý có mở khoa thi tam giáo để kén dùng cả ba giới người.

Dần dần về sau, «dầu mỡ» khoa cử tưới mạnh, « ngọn lửa » sùng Nho ngày một cháy to, Phật, Lão từ đời Lê Thánh Tông trở đi, bắt đầu bước vào thời kỳ lép vế (1). Thế rồi từ đó, văn học việt nam chia đường, rẽ ngõ : ai nho thì nho, ai thích thì thích, chứ không mấy khi gặp nhau trong một nhà văn.

Ở đời, việc gì cũng có ẩn phục từ lâu, chứ không phải xảy ra trong một buổi chiều, buổi sớm. Về văn học, ta lại càng cần phải khảo đến cận nhân và viễn nhân của từng khuynh hướng và từng tư trào, thì lập luận mới mong xác đáng được.

Trên trang văn-học sử về đời Lý, ta nên in chữ lớn để đánh dấu một việc rất quan-trọng : Lối ca Chàm nhập tịch trong làng âm nhạc An-nam.

Nguyên năm 1044, vua Lý-Thái Tông thân cầm quân đi đánh Chiêm-thành, hái được đóa hoa toàn thắng. Hát bài khải hoàn, ngài bắt đem về những cung nữ Chàm khéo ca điệu Tây - thiên-khúc, rồi làm cung riêng để cho họ ở (1046). Một khi ca-nữ và khúc hát Chiêm-thành đã nhập cảng đất Thăng-long, cung-nhân An-nam vì tính hiếu kỳ, thể nào cũng bắt chước gái Chàm mà ca hát theo điệu bộ ấy. Đến tháng 8 năm Chương - thánh gia-khánh (1060), vua Lý-Thánh-Tông cho truyền bá khúc nhạc và âm-điệu theo dịp gõ, trống đánh của Chiêm-thành khiến nhạc-công ca hát theo. (Coi Đại Việt Sử ký toàn thư quyển 3, tờ 2).

Rồi biến theo thời-gian, bản ca khúc hát Chàm kia sẽ thành ra « An-nam-hóa ». Nhưng trong đời Lý, ca khúc đó hãy còn đứng riêng một lối Chiêm thành, chứ chưa mất hẳn chân tướng, bản sắc của nó. Chứng cớ đây : Năm Trinh phù thứ 17 (1193), Lý Cao Tông sai nhạc công chế khúc nhạc kêu là Chiêm thành âm. Văn thể bài hát ghép theo âm nhạc đó thế nào ta nay không rõ. Chỉ thấy sử chép rằng thanh âm khúc nhạc đó đầy giọng ai oán, não nùng, hễ hát lên một tiếng thì người nghe tê tái khúc lòng, không sao cầm được nước mắt. Người ta phải kêu nó là khúc nhạc tổ điềm bại vọng.

Ngô, Đinh tuy có công vẽ lại bức đồ non sông đời Hồng Lạc, nhưng qui mô lập quốc hãy còn sơ sài và trị vì không được bao lâu, nên văn học không thấy sót lại một mảnh vụn. Đến Lê, dẫu đã có ít người tinh thâm cả thiền lẫn nho, cao rung tiếng chuông trên đàn văn học, song lá thu, sao sớm, trước tác chưa được bao lăm, tủ sách Việt Nam hãy còn rỗng tuếch.

Văn tinh nhà Lý chói-rọi trời Nam, nền văn-học đã bắt đầu thành-lập. Có nhiều tác phẩm lần lượt ra đời. Tiếc rằng trải qua bao cơn binh lửa, sách vở thất lạc hầu hết ! Nay tôi chỉ nhặt được ít nhiều thơ văn bằng chữ hán thôi.

Cứ theo sử sách ghi lại, thì năm 1027 đời Lý-Thái-Tổ (năm thứ 17) có soạn được một quyển «Ngọc Điệp» (2). Nội-dung nó? Cứ coi tên sách thì biết nó là bộ sách ghi chép những lời mạng lịnh, từ cáo và niên phả của hoàng giả bấy giờ (Sách này mất rồi).

Trào Lý cũng chú trọng về pháp-luật, muốn làm thành minh văn cho người ta theo dùng. Năm 1412, vua Lý Thái-Tông sai quan Trung-thư lựa theo thời thế đặt ra bộ « Hình-thư » gồm có ba quyển, trong chia ra từng môn loại và từng điều khoản (Mất rồi).

Khoảng năm Thiên-thành (1028-1033) đời Lý-Thái-Tông, có soạn được ba quyển « Bí thư » định rõ cái thể-lệ truất trắc trong ngạch quan lại (mất rồi)

Còn bộ « Nam Bắc Phiên giới Địa đồ » thì là một pho sách địa-dư của trào Lý. Nguyên năm 1148, vua Lý Anh-Tông, muốn biết tình trạng đau khổ của dân gian và đường lối gần xa trong nước thế nào, bèn đi tuần đường biển và bờ cõi Nam, Bắc, xem xét hình thế núi sông, rồi vẽ lấy các phong cảnh và phẩm vật. Vì vậy cuốn địa dư nói trên, sau cuộc tuần du đó, mới ra đời. (Mất rồi).

Đó, sự nghiệp văn-học đời Lý rực rỡ là thế ! Vậy mà những sản phẩm quí ấy bị răng « thời gian» nghiến nát hết rồi : đáng tiếc.

Thế còn Việt-văn ? Suốt đời Lý, trên mặt sử, sách xưa, ta không thấy chút dấu vết gì về quốc văn cả. Song nhờ việc sau đây, ta biết rằng ca trù đã phôi-thai từ đời nhà Lý :

Tháng 8, năm Lý Thái - Tổ Thuận-thiên thứ 16, 1025, đổi chức Hỏa đầu làm chức Chính thủ ; duy con nhà xướng ca thì gọi là quản giáp. (Coi Đại-Việt Sử ký toàn thư, quyển 2, tờ 6).

Dưới đó, nhà làm sử chua rằng: « Bấy giờ có người con hát họ Đào, rất lành nghề, thường được ban thưởng. Người thời đó ham mộ cái danh nàng. Phàm ai làm con hát (xướng nữ) đều kêu là đào nương ».

Nhân đó, ta chắc bấy giờ đã có lối hát ả đào. Các văn nhân mặc khách đời Lý thế nào cũng có đặt bài hát để thưởng thức món chơi phong nhã đó. Tiếc rằng bài hát ả đào khi đó thế nào không còn sót lại đến giờ cho ta dùng làm sử liệu văn-học.

Còn nữa

---

1) Vua Lê Thánh Tông ra lệnh cấm dân gian không được làm chùa mới. Đó là một dấu hiệu chứng rằng nhà cầm quyền hồi ấy đã bài Phật ra mặt.

2) Trong mục Văn-tịch chí sách Lịch-triều hiến chương quyển 42 chép là « Hoàng triều ngọc điệp ».

Thử viết — Số 15

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

Những ngày lịch sử trong tháng Décembre

14 tháng mười năm Tân-tỵ
Thứ ba 2 Décembre 1941

Ngày nay năm Nhâm-thìn 1592, chúa Trịnh-Tùng đem quân đánh đuổi Mạc-mậu-Hợp ở Huyện yên-dũng và Vũ-ninh nay là Võ-giang thuộc Bắc ninh, Bắc-kỳ.

15 tháng mười năm Tân-tỵ
Thứ tư, 3 Décembre 1941

Ngày nay năm Tân-hợi 1671, vua Lê-huyền-Tôn thăng hà, thọ 18 tuổi, ở ngôi được 9 năm.

16 tháng mười năm Tân-tỵ
Thứ năm, 4 Décembre 1941

Ngày nay năm Qúy-sửu 1793, vua Lê-Chiêu-Thông, thang-hà ở bên Tàu

17 tháng mười năm Tân-tỵ
Thứ sáu 5 Décembre 1941

Ngày nay năm Nhâm- dần 1902 mở cuộc Đấu-xảo lớn tại Hà-nội, Hiện nay là khu đất làm Hội - chợ và nhà Bảo-tàng Maurice Long.

18 tháng mười năm Tân-tỵ
Thứ bảy, 6 Décembre 1941

Ngày nay năm Nhâm-thìn 1592 đại-binh chúa Trịnh Tùng đi đánh họ Mạc, đến tỉnh Ninh-bình Bắc-kỳ.

19 tháng mười năm Tân-tỵ
Chủ-nhật, 7 Décembre 1941

Ngày nay năm Đinh-mùi 1787, đức cha Bá-đa-Lộc(Evêque d'Adran) đại-diện cho chúa Nguyễn-Ánh cùng Bá-tước Montmorin, ngoại - giao bộ Thượng-thư nước Pháp, ký điều-ước Pháp-Nam, hỗ-trợ. Bản hiệp-ước này là bản hiệp-ước thứ nhất. nước ta và nước Pháp ký giúp nhau.

20 tháng 10 năm Tân-tỵ.
Thứ hai, 8 Décembre 1941

Ngày nay nam Giáp-tý 1804 làm lễ sang cốt vua Lê-chiêu-Thống vào kim-quan.

21 tháng 10 năm Tân-tỵ.
Thứ ba, 9 Décembre 1941

Ngày nay năm Qui-dậu 1873, Đại úy Franç's-Garnier đánh tỉnh Nam-định Bắc kỳ.

— *22 tháng 10 năm Tân-tỵ.*
Thứ tư, 10 Décembre 1941

Ngày nay năm kỷ-dậu 1789, quan Hiệp-trấn Nguyễn-Mậu - Nệ, người Kim-sơn, theo vua Lê-chiêu-Thống sang Tàu, bị bệnh mất ở Liêu-châu.

23 tháng 10 năm Tân-tỵ.
Thứ năm, 11 Décembre 1941

Ngày nay năm Qui-sửu, 1433 làm lễ táng vua Lê thái - Tổ Lê Lợi ở Vinh - lăng trong núi Lam - sơn, Thanh-hóa, Trung-kỳ.

24 tháng 10 năm Tân tỵ.
Thứ sáu 12 Décembre 1941

Ngày nay năm Mậu-thân 1788, Tôn sĩ Nghị, tướng nhà Thanh bên Tàu, kéo quân sang đánh nhà Tây-sơn Nguyễn quang Trung.

25 tháng 10 năm Tân-tỵ
Thứ bảy, 13 Décembre 1941

Ngày nay năm Qúi-dậu 1873, Đại-úy Francis Garnier sai quan Hai Balny D'Avricourt đem binh đóng ở Nam-định Bắc-kỳ.

26 tháng 10 năm Tân-tỵ
Chủ-nhật 14 Décembre 1941,

Ngày nay năm Mậu-tý 1888, vua Đồng-khánh xuống chiếu cho dân biết rằng đã phế vua Hàm-nghi làm Ưng lịch Quận-công và đem an-trí ở xứ Algérie Phi-châu.

27 tháng 10 năm Tân-tỵ
Thứ hai, 15 Décembre 1941

Ngày nay năm Quý-mão 1903 đường xe-hỏa Hanoi - Việt-trì bắt đầu chạy.

28 tháng 10 năm Tân-tỵ
Thứ ba, 16 Décembre 1941

Ngày nay năm Ất-dậu 1525, Mạc Đăng - Dong bắt sống được vua Lê Chiêu - Tôn ở làng Thúy-cử, châu Lương-chỉnh, phủ Thanh-đô Thanh-hóa, Trung-kỳ.

29 tháng 10 năm Tân-tỵ
Thứ tư, 17 Décembre 1941

Ngày nay năm Đinh-mùi 1787 Hoàng-tử Cảnh cùng Bá-đa-Lộc xuống tàu ở Pháp về nước.

1 tháng một năm Tân-tỵ
Thứ năm, 18 Décembre 1941

Ngày nay năm Mậu-tuất 1778, ngày sinh cụ Nguyễn Công-Trứ.

(Còn nữa)

Long-điền NGUYỄN VĂN-MINH

Tin vắn hằng tuần

QUỐC-TẾ

Đêm chủ nhật 7 Décembre 1941, 150 phi-cơ Nhật-bản đã đánh phá Hạ-uy-Duy của Hoa-kỳ.

Phi-luật-Tân và Tân-gia-Ba cũng bị phi-cơ Nhật ném bom.

Nhật báo tin đã đánh vào Hương Cảng của Anh và đổ bộ ở Mã-Lai.

Quân Đức công kích dữ dội ở giữa miền Oral và Koursk.

Quân Nga định phá vòng vây Leningrad, nhưng bị thất-bại.

Tưởng-giới-Thạch đã khai-chiến với Đức-Ý.

ĐÔNG-DƯƠNG

Vì tình-hình quốc-tế hiện thời cuộc bắc-tuần của vua Bảo - Đại hoãn đến một thời kỳ khác.

Hội-chợ mở cửa từ 9 giờ sáng đến 7 giờ tối.

Dầu săng tạm ngừng bán cho đến lúc có lệnh mới.

Bình-dân phạn-điếm của hội Hợp thiện đã mở cửa từ ngày 9 Décembre 1941.

Quan thống-sứ đã đi thăm nơi phòng-thủ thành phố Hanoi.

Các hàng bán thực-phẩm phải khai số hàng tích-trữ.

Hội đồng thành-phố Haiphong đã họp tối 8 Décembre 1941.

Hội-nghị liên-bang đã bế-mạc.

Xứ Tây - Bá - Lợi - Á

NHẬT-NHAM

Tây-Bá-Lợ-Á là một vựa thóc rất sung túc, là một kho sắt, kền, vàng, bạc, than của Hóa-Công dành riêng cho Nga — Tại xứ này, khoáng-sản đã tạo nên nhiều xưởng kỹ-nghệ, do đó mà có nhiều thị-trấn phồn-thịnh, như Komsomolk, một thành-phố mới dựng trên tả-ngạn sông Amour, cách hải-khẩu 300 cây số, có nhiều xưởng máy, có nhiều Docks để sửa sang các chiến-thuyền, có xưởng lắp máy phi-cơ.

Vì thành-phố Komsomolk nối với đường hỏa xa Tây-Bá-Lợi-Á nên gần đây đã giữ một địa-vị quan-trọng, trong việc thâu-nhận chiến-cụ Hoa-kỳ, chuyển qua Hải-sâm-uy, để do đường hỏa-xa Tây-Bá-Lợi-Á đưa sang Nga.

Gần đây, ngọn lửa chiến-tranh lan sang Thái-bình-dương, Tây-Bá-Lợi-Á, vì địa-thế trên miền duyên-hải, sẽ giữ một địa-vị quan-trọng trên đường quốc-tế.

Vậy lược qua lịch-sử Tây-Bá-Lợi-Á tưởng không phải là vô ích vậy.

Tây-Bá-Lợi-Á là một đất đai rất rộng của Nga ở miền bắc châu Á, từ bể Caspienne đến eo đất Behring. Về phía tây là lưu-vực sông Obi, mặt đất thấp hơn miền đông là miền rừng núi lưu vực sông lénisséi, sông Léna và hồ Baikal. Phía bắc, có rừng, miền nam có núi, giữa là đồng bằng phì nhiêu. Khí hậu rất rét. Một đường hỏa xa xuyên qua Tây-bá-Lợi-Á qua miền đồng bằng và nối liền các thị trấn có mỏ vàng, bạc, kền dưới chân núi Altai và Saïansk. địa thế rộng 12518.489 cây số vuông, với dân-số 9.258 nghìn người.

Nga chiếm được Tây-bá-Lợi Á vào cuối thế-kỷ thứ 16. Năm 1581, một bộ-lạc Cosaques triền sông Don tiến đến một chi-lưu sông Ob, không xa tỉnh Tobolsk ngày nay, rồi chiếm lấy miền Sibir. Vì vậy mà sau này cánh đồng-bằng mênh mông miền bắc châu Á được đeo cái tên Sibérie (Tây Bá Lợi Á) do chữ Sibir mà ra. Bộ-lạc Cosaques gồm vừa binh-sĩ, vừa thực-dân, cứ việc thẳng tiến về phương đông, không gặp sự gì khó khăn ngăn-trở, vì dân-cư lơ thơ, ở giải giác trong các vùng, rất dễ chinh phục. Không để Nga-hoàng phải trợ-lực, người Cosaques cứ tự-tiện theo chí-hướng, rong ruổi trên đất Tây Bá-Lợi-Á. Cho nên chưa đầy sáu chục năm, họ đã kéo địa-giới nước Nga đến tận bờ bể Thái-Bình-dương (1633). Thời đó, các nước Âu-Châu đương bận vào cuộc chiến-tranh tam thập niên, Năm 1645, Nga lập hải-khẩu Okhostsk, do tên đó mà có Vịnh Okholsk

Cuối thế-kỷ 17, thế-kỷ 18 và đầu thế-kỷ 19, Nga, vì bận việc Âu châu, không săn sóc đến việc mở mang cho xứ Tây Bá-Lợi-Á, Tây-Bá-Lợi-Á khi đó chỉ là một nơi để Nga-Hoàng phát-lưu các tội-nhân hoặc chính-trị-phạm hoặc thường phạm.

Nhưng đến giữa thế-kỷ thứ 19, sau cuộc chiến-tranh trên bán-đảo Crimée kết-liễu do hòa-ước Paris, Nga lại quay về châu Á. Nước Nga, vì địa-thế, chỉ có thể giao-thông với các bể nhỏ hẹp như Baltique và Hắc-hải, mà muốn có đường giao-thông với đại-dương, tất phải phân rẽ nước Thổ-nhĩ-kỳ là một việc các cường-quốc Âu-châu không thể công nhận được. Như vậy mà muốn tới được đại-dương thì cần phải lấy Tây-Bá-Lợi-Á làm dẫn-lộ.

Tại các miền duyên-hải đã chiếm được, mỗi năm phải bẩy tám tháng, nước kết thành bang, không tiện cho sự giao-thông, nên Nga tìm cách để sở-hữu bờ bể dưới miền nam. Khi ấy, Trung-hoa đương giao-tranh với Anh-Pháp (1858 1860), Nga bèn điều-đình với Trung hoa nhượng cho các đất-đai theo chiều sông Amour và khu-vực ở giữa sông Ousoouri và ven bể Nga đặt một tỉnh mới tại miền duyên-hải ; phía nam, mở quân-cảng Vladivostock (bá-chủ miền đông) — Hải-sâm-uy.

Sau khi ấy, Tây-bá lợi-á đã rộng tới 125 triệu cây số vuông, tuy thế mà năm 1860, xứ này chưa được 25 triệu dân. Vì vậy Nga tìm các phương-pháp để tăng dân số, mục-đích khai-khẩn những nơi hoang-dã và những mỏ rất nhiều ở miền nam Tây-bá-lợi-á. Tại Âu-châu, Nga đương lo nạn nhân-mãn, nông-dân càng ngày càng tăng gấp bội, đến nỗi đất Nga không đủ nuôi sống một số người cần phải đưa sang khai phá đồng ruộng miền Tây bá-lợi-á. Công cuộc di-dân bắt đầu có hiệu-lực từ năm 1880. Rồi từ 1893 đến 1900, 12 triệu nông-dân Nga di-cư sang Tây-bá-lợi-á.

Lúc đầu, nông-dân Nga đưa đến các miền ở cạnh đường giao thông

Mới xuất bản

MANUEL
de
CONVERSATION
en français et Annamite
của
MỄ DƯƠNG
Cựu giáo viên

Sách dạy nói chuyện tiếng Pháp cốt dùng cho người Nam học nói chuyện tiếng Pháp hay những người ngoại quốc biết tiếng Pháp học nói truyện tiếng Nam

Đủ các câu cần biết của hầu khắp các nhân vật trong các giới

Giá 0p.20 cước thường 0p 06 gửi bằng tem (có) cũng được cho hiệu
ĐÔNG-TÂY
195, phố hàng Bông Hanoi

Trakt nối Nga với bờ bể Thái-bình-dương.

Cuối thế-kỷ trước, Nga đặt một đường hỏa-xa giài 6600 cây số xuyên qua Tây-bá-lợi-á thay con đường Trakt. Khởi-công năm 1891, đến năm 1901, khánh-thành.

Đường hỏa-xa Tây-bá-lợi-á, không những là một con đường giao-thông để mở mang các miền chạy qua, mà lại có công-dụng làm một đường vận-tải quân-nhu chiến-cụ từ Nga sang Viễn-Đông hay từ Viễn-đông về Nga.

Cái công-dụng ấy, ta đã thấy trong cuộc chiến-tranh Nga-Đức hiện-thời : Vận-tải chiến-cụ của Hoa-kỳ giúp Nga do đường Thái-bình-dương rồi từ quân-cảng Hải-sâm-uy đưa lại !

NHẬT NHAM

Cải chính

Ở số 26 trước, đáng lẽ phải đề thứ sáu 5 *Décembre* 1941, thợ nhà in đã sắp nhầm là 5 *Novembre* 1941 Khi chúng tôi biết thì chỉ kịp sửa lại vài trăm quyển thôi. Vậy mong các độc-giả lượng biết cho.

Tri-Tân

Minh-tạ

Chúng tôi xin thành thực trịnh-trọng cảm tạ các hội, các cụ, các ngài, các bạn đã đoái đến mà cho đồ phúng, hoặc gửi giấy chia buồn, hoặc đi đưa đám trong dịp tang mẹ chúng tôi là :

Cụ Cử bà Hoàng Thúc-Hội hiệu Cần-Nại-Giản-Phác nhụ-nhân.

Trong khi tang-tóc buồn-rầu, bối-rối, chúng tôi xin các bậc cao-minh rộng thứ cho những điều sơ-suất và khuyết-điểm của tang-gia.

Cô-ai-tử :

Hoàng thúc-Hàm và vợ con
Hoàng thúc-Trâm và vợ con
Hoàng thúc-Tấn và các con
cùng đồng gia kính ta.

Mấy chuyện lý-thú

Tiếp theo trang 10

mừng đủ mặt, duy vắng một mình Xã-trưởng, Cống-sinh lấy làm lạ, cho mời đến chơi trách rằng :

— Tôi với ông xưa nay có thù oán gì đâu, mà ông không đến chơi ?

— Chả dấu gì ngài, cái đêm Thiên-môn phóng bảng chính tôi được biết rõ ràng, nên tôi không dám đến.

Dứt lời, Cống - sinh và Xã-trưởng, cùng nhau trông mặt cả cười.

◆

Một Cống-sinh nhà nghèo, mỗi lần đi thi hội là vợ phải nai lưng đi chạy tiền lộ-phí, mà thi mãi không đỗ, vợ bực quá, hẹn chỉ cho đi một khoa nữa thôi. Bất đồ khoa ấy lại hỏng bèn nghĩ ngay một mẹo : Đương đêm lẻn về cắp một cái cong trèo lên nóc nhà, thò đầu vào trong cong, cất to tiếng gọi tên vợ mà truyền rằng ;

— Ta là Thổ-công nhà chị đây, ra cho ta truyền phán.

Người vợ lật-đật quì phục xuống thềm. Trên nóc nhà cất tiếng truyền :

— Chồng chị đi thi khoa này đỗ, thì thế nào cũng chết non, nếu khoa sau đỗ, thì vợ chồng mới được song toàn, chị muốn đằng nào cho tùy ý.

Người vợ mếu-máo thưa :

— Lậy ngài, xin ngài để cho chồng tôi đến khoa sau hãy đỗ, chứ đừng cho đỗ khoa này.

— Thế thì được, thôi muốn sống vào ngay.

Sau khi người vợ đã vâng mệnh trở vào trong nhà, lẽ tất nhiên là ông Thổ-công dả ấy trụt xuống mái nhà rồi lẻn đi chỗ khác.

Hôm sau Cống-sinh về với nét mặt bẽn-lẽn của văn-nhân thi hỏng, giá mọi khoa thì đã bị vợ đay nghiến, trái lại, lần này vợ hỏi han vồn-vã. Cống-sinh còn làm bộ cảm khái, bắt phu-nhân phải khuyên giải mãi mới nguôi. Sau quả được như nhời Thổ-công : Đỗ Tiến-sỹ, vợ chồng song toàn, cửa nhà thịnh vượng.

THỊ-NHAM

Diễn-từ của Thống-chế PÉTAIN

Bản chí mới nhận được cuốn thứ hai tập diễn-từ của Thống-chế Pétain.

Sách giầy 119 trang khổ nhỏ, in đẹp, trình bày mỹ thuật, có phụ chân-dung Thống-chế ở trang đầu.

Tập diễn-từ này là một thiên tuyệt tác về văn chương và tư tưởng bao hàm tất cả chính sách khoan-hồng, trọng kỷ luật trung chính và tín ngưỡng vao tổ quốc của một vị quốc-trưởng lão thanh đã hơn một năm nay, từ khi lên cầm vận mệnh nước pháp trong tay, sau những ngày sầu thảm trong cuộc đình chiến kế đến những bước khó khăn, vững tay chống với bao nỗi gian lao nguy hiểm, để đặt lại nền tảng cho quốc gia theo chính thể cần lao, gia đình và tổ quốc.

Những nhời của Thống chế đều là nhời nhời châu ngọc, tập diễn văn của Thống chế tức là quyển kinh nhật tụng cho đời chính trị của người Pháp cũng như người Nam trong công cuộc phục hưng nền tảng xã hội đương tiến hành.

Vậy xin vui lòng giới thiệu tập diễn văn đầy tư tưởng cao siêu với độc giả thân yêu của Tri Tân.

Tiền-quân Nguyễn Văn-Thành (1757 - 1817)

NGUYỄN-TRIỆU

III

SANG đến năm Gia Long thứ 10 (1811) Nguyễn-văn-Thành phụng-mạng sung chức Tổng-Tài, sửa lại luật lệ, định thành 20 quyển, 398 điều, liền tâu xin đem in cả để thi-hành.

Năm Gia-Long thứ 13 là năm Giáp-tuất (1814) gặp lúc tang bà Thừa-thiên Hoàng-hậu (1) Đức Gia-Long muốn để ông Hoàng thứ tư là Đảm (2) làm thừa tự vào chủ-tế. Thành có ý ngại rằng văn tế khó xưng hô, đức Thế-tổ phán rằng ; *« Con thừa mệnh cha để tế mẹ, danh chính ngôn thuận can chi mà không nên... »* Thành vẫn có ý không hài lòng về việc đó.

Lại một hôm đang buổi chầu, vua Gia-Long hỏi Thành rằng : *« Nay hoàng tôn Dản (3) còn nhỏ « tuổi quá, trong các con nên lập ai là phải... ?*

Thành tâu rằng :

« Đích-tôn thừa trọng mới là « chính lễ, nay thánh thượng lại « muốn chọn người khác thì biết » con không ai bằng cha, hạ thần « không dám dự đến việc đó ! »

Từ đấy mỗi khi Thành vào triều kiến thường tâu xin lập ngôi *« trữ nhị »* (4) Hoàng đế cứ làm thinh nín lặng. Thành lại càng thêm nghi và lo sợ...

Con Thành tên là Thuyên đỗ cử-nhân khoa Quí-dậu (1813) hay làm văn thơ, giao du với các văn sĩ, nghe tiếng có Nguyễn văn Khuê và Nguyễn đức-Nhuận hay chữ có tiếng ở Thanh-hóa Thuyên mới làm một bài thơ sai môn hạ tên là Nguyễn trương Hiệu đưa ra mời Khuê và Nhuận vào chơi. Tên Hiệu lại đem đưa bài thơ ấy cho quan *Hình bộ thiêm sự* là Nguyễn hựu-Nghi (5) Nghi vờn oán giận Thành, bèn xui Hiệu cầm bài thơ ấy mách Lê văn-Duyệt Duyệt vời Thành hai người vốn không hòa với nhau. Duyệt mới đưa bài thơ ấy vào Triều mật tâu rằng Thuyên làm thơ có ý bội-nghịch (6)

Vua Gia-Long cũng cho là cái thói thường ngông nghênh của các «nhà nho» và là sự dại dột của bọn thư sinh trẻ tuổi nên không hỏi chi đến nữa. Song Hiệu thì cứ giữ bài thơ ấy để sau này làm chứng đón Thành đi chầu về túm lấy áo đòi tiền « hối-lộ » bất đắc dĩ. Thành phải bắt Hiệu và Thuyên bỏ ngục rồi vào tâu vua. Đức Gia-long cho là chứng cớ chưa lấy gì làm rõ, tha tội cho Thuyên và Thành thì được miễn nghị và vẫn tại-chức như cũ.

Sau lại có kẻ hạch tấu là Thành phi-pháp, quan Lễ-bộ bác không cho Thành được dự tế Nam giao. Đức Gia-Long sai *tả quân* Lê văn-Duyệt xét lại cái án tên Thuyên. Vì bị tra tấn đau quá nên Thuyên phải thú nhận liều là có cả. Thành lấy làm kinh hãi xin chịu tội, quần thần đều tâu xin đem Thành tống ngục. Đức Cao-hoàng phán rằng :

« Thành tuy có tội, nhưng cứ « lấy lễ đãi quan đại thần và « phải nên xử một cách riêng. »

Bèn sai thu hết cả ấn sắc của Thành rồi cho về ở nhà.

Quần-thần lại tâu :

« Cha con Thành, cứ lấy phép « nước thì phải nên xử tử.

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Đã phát hành

THI-NGHỆ

(Lược-thuật về THƠ và nghệ-thuật làm THƠ).

Một cuốn sách mà tất cả các bạn làng thơ, các bạn yêu thơ, các bạn sắp bước vào làng thơ, các nhà khảo-cứu văn-thơ, .. đều-phải đọc để hiểu rõ thơ và thưởng thức được hết cái hay, cái đẹp của thơ .. Giá 0p 48

Sách TẾT của Quốc-Học Thư-Xã

TRĂM-HOA

Một cuốn sách xem TẾT, khác hẳn các sách, bao TẾT từ trước tới nay từ cách biên-tập tới cách trình-bầy, sẽ đem lại cho bạn đọc tất cả thi vị êm-đềm của ngày TẾT và của mùa XUÂN.

Có ăn TẾT với «TRĂM HOA» mới hưởng được hết các thi-vị của ngày TẾT. Gia-đình nào cũng phải có «TRĂM HOA» trong ngày TẾT (Thượng tuần tháng chạp sẽ có bán, các hiệu sách nên viết thư đặt trước từ giờ).

ĐƯƠNG IN

TẦM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN

Giấy thường	*2 p. 80*
Giấy bouffant	*3 80*
Giấy bouffant bìa vải chữ vàng	*5 00*

(Loại sách giấy bouffant dành cho các bạn đặt tiền mua trước từ giờ, các hiu sách không bán).

Mua sách, đặt sách, viết cho

M. LÊ VĂN-HÒE

Giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

16 bis Rue Tiên Tsin Hanoi

Số xuân Tri-Tân (Nhâm-ngọ, 1942)

Bài-vở, do những cây bút đứng-đắn viết ;
Trình-bày, do họa-sĩ Trịnh-Vân trộng-coi...

Tri-Tân, số *XUÂN NHÂM-NGỌ* này, từ tinh-thần đến hình-thức, sẽ làm vừa ý các bạn đọc thân-yêu.

Khi ấy ngoài Bắc-Thành lại có cái án xử tên Lê duy Hoán mưu phản đệ vào kinh để hình-bộ xét lại. Duy-Hoán lại chiêu xưng là do Thuyên xui làm phản. Đình thần xin bắt mấy cha con Thành giam vào nhà *Thị trung quân xá*

Các quan họp lại tra hỏi Thành có làm phản không ? thì Thành trả lời : *Không.*

Lúc bãi-triều, Thành chạy theo nắm áo vua kêu khóc rằng : « *Thần theo Bệ-hạ tự nhỏ đến giờ, nay không tội tình gì quá đáng mà nỡ để người ta cứ gia-hình. Bệ-hạ nỡ lòng nào ngồi nhìn thần phải chết oan mà không cứu !* ». Hoàng-đế giựt áo rồi đi thẳng vào nội-cung.

Rồi kế đến một tờ chiếu ban ra, cấm Nguyễn Văn-Thành tự đấy không được vào chầu nữa.

Thành chỉ còn biết than với *Thống-chế* Hoàng Công-Lý rằng: *Thế là thành án rồi : Vua bắt tôi chết mà tôi chẳng chết thì là bất « trung* Rồi liền uống thuốc độc chết, thọ 60 tuổi. Hồi ấy vào giữa năm Gia-Long thứ 16 (1817)

Sau khi Thành chết rồi, có một tên lính thơ lại nhặt được một tờ biểu « *trần tình* » của Thành để lại, Hoàng-công-Lý bèn đem dâng lên vua Gia-Long, trong tờ biểu có câu :

« *Sớm rèn tối luyện kết thành « tội cực ác cho cha con tôi, không « còn kêu oan vào đâu được nữa, chỉ còn có chết mà thôi !* »

Đức Gia-Long đọc phải sa lụy mà nói với quần thần rằng :

« *Thành theo trẫm từ nhỏ gian « nan khôn kể siết, công nghiệp « rất lớn lao, nay nhất đán thế « này mà trẫm không bảo toàn « được, thực đức trẫm rất bạc vậy.* Rồi phán cho Lệ-bộ xuất tiền kho làm ma tử-tế.

Nguyễn - văn - Thành có tài kiêm lược cả văn võ, lâm trận dùng binh bao giờ cũng định mưu trước rồi mới đánh nên ít khi thua và huân lao rất lớn.

Năm Minh - mệnh thứ 14 (1833) vì Lê văn-Khôi làm phản ở thành Phiên-An, (7) lại có con Thành tên là Hàm cũng theo giặc làm phản nên Hoàng-Đế xuống chiếu bắt hết cả lũ con Thành giết hết.

Sau này đến đời Vua Tự-Đức, Thành mới lại được truy-phục chức tước cũ.

HẾT

NGUYỄN-TRIỆU

1) Thừa-Thiên hoàng-hậu là con gái Tổng phúc - Khuông và lại là Thân-mẫu sinh ra Đông-cung Cảnh.

2) Hoàng tử Đảm tức là vua Minh-Mạng sau này.

3) Hoàng-tôn Đán là con Hoàng-tử Cảnh.

4) Trừ-nhị cũng như Trừ-quân là dự bị để nối ngôi vua. (đã nói trong Tri Tân số 10 trang 18, chú 1.

5) Nguyễn hựu Nghi, vốn trước có làm quan nhỏ dưới quyền Tiền quân Thành vì phải quở trách nên lại trốn sang làm môn-hạ Tả quân Duyệt, rồi Nghi cho tên Nguyễn trương-Hiệu theo hầu Thuyên là con Thành để rình mò xem những sự hành-động và cử-chỉ của Thuyên, Nghi vớ được bài thơ đó mới đưa cho Nghi vậy.

6) Trong bài thơ ấy có câu kết : *Thử hồi nhược đắc sơn trung tể, Tá ngã kinh luân chuyển hóa kỳ* »

Nghĩa là : Hồi này nếu được tể tướng trong núi, giúp cho ta kinh luân chuyển động cơ trời.

7) Sau khi Tả-quân Lê văn Duyệt tổng-trấn thành Gia - Định mất thì vua Minh-mạng bãi chức Tổng-Trấn, đổi tên thành Gia Định lại là trấn Phiên-An và đặt quan Tổng Đốc, Bố-chính, Án sát và Lãnh-binh cai trị. Cũng vì quan Bố-chính Bạch xuân-Nguyên sách nhiễu tham lam và làm bậy cho nên mới có giặc Khôi làm phản.

Báo mới

Bản chí mới tiếp được :

1°) Gió mùa tuần báo do ông Lê tràng Kiều chủ trương, khổ báo 4 trang như báo hàng ngày, giá báo 0 p. 10 một số. Tòa báo ở số nhà 55 phố Legrand de la Liraye, Saigon.

2°) Nhi đồng họa bản do bà Phạm ngọc Khuê chủ trương, cốt cho trẻ em xem vì thế nên có rất nhiều tranh vẽ. Giá mỗi số 0 p, 15. Tòa báo ở số nhà 20, phố Bắc ninh Hanoi.

Xin chúc hai bạn đồng nghiệp được trường thọ.

Mảnh sử - liệu

Trịnh-Tráng mắc mưu

CÁCH đây đã ba trăm mười hai năm, mùa đông năm Kỷ-tỵ (1629), chúa Trịnh Tráng ý muốn xâm chiếm cõi Nam của chúa Nguyễn, bèn mượn tiếng vua Lê sai Nguyễn-khắc-Minh đem sắc vào tấn - phong cho đức Hy-Tôn làm Thái phó Quốc-công và giục ngài đem quân ra Đông-đô đánh giặc — (Đông đô bây giờ là Hà-nội).

Đức Hy-Tôn bèn họp các quan lại thương nghị. Có quan Lộc-khê-Hầu là Đào-duy-Từ tâu rằng : « Đó là mưu kế của họ Trịnh « mượn sắc vua Lê mà dử ta. « Nếu ta chịu phong mà không « đến thì họ Trịnh lại đem binh « đến đánh.

« Nếu gây ra đánh nhau, chỉ « làm khổ cho nhân dân binh « lính mà thôi. Huống chi ta nay « thành quách chưa vững bền, « quân lính chưa thao luyện, giặc « đến lấy gì mà chống chọi với « nó — chi bằng ta hãy giả chịu « phong cho nó khỏi ngờ, để lo « cho bờ cõi vững bền, liệu kế « trả lại tờ sắc. Lúc bấy giờ chúng « nó có muốn làm gì cũng chẳng « được nữa »

Ông lại khuyên chúa Nguyễn đừng nộp thuế cho họ Trịnh nữa — Đức Hy-Tôn đang phân vân cho là một việc không thể thi hành được, thì ông liền tâu rằng : « Tôi nghe xưa thầy Mạnh « có nói rằng như ngày xưa Tiên « vương ta anh võ trí mưu không « phải không đu sức chiếm cứ « được đất này nhưng vì lúc « trước quan Tạm tư, kẻ thuộc « tướng đều là người của họ « Trịnh bổ đến cả. Nếu mình « muốn làm gì, thì bị bọn ấy « khiên chế, không làm được, « nên đành ẩn nhẫn đến bây g ờ. « Ngày nay chúa thượng chuyên « chế một phương, quan liêu đều « người mình bổ dụng, ngài noi « ra sự gì, còn ai dám trái, tôi « xin dâng một kế, không cần « phải nộp thuế cho họ Trịnh « nữa, mà cũng cứ giữ vững bờ « cõi mình và thành nghiệp lớn « được ».

Chúa Nguyễn hỏi kế gì ?

Ông tâu rằng : « Phàm toan « lập nghiệp vương bá, cốt phải « tính cách vạn toàn. Như xưa có « nói rằng : Chẳng chịu khó nhọc « trong một chốc thời sao được « khỏe lâu dài — Chẳng chịu tốn « kém một lần, thời khó cầu an « ổn mãi. Nay tôi xin đem quân « dân hai xứ đắt một lũy dài, trên « từ núi Trường dục thẳng xuống « đến bãi biển nhân theo chế mà « làm cho vững vàng, bền chặt, « thời giặc có đến cũng không « làm gì được »

Đức Hy-Tôn nghe theo y kế thi hành. Mùa xuân năm Canh Ngọ (1630) Duy - Từ đem quân dân hai xứ đắp xong lũy Trường-Dục. Ông bèn xin làm một cái mâm đồng hai đáy, dấu tờ sắc vào trong, và xin sắm đủ vàng lụa phẩm vật rồi sai quân tướng Thần Lai là Văn-Khuông sung chức Tạ - ân - sứ. Ông lại nghĩ trước mười điều vấn đáp cho Văn-khuông học thuộc để đi sứ.

Khi ra đến Đông - Đô, Văn-Khuông cứ theo đúng mười điều đã học mà đối đáp với chúa Trịnh rất trôi chảy. Họ Trịnh phục lắm, đãi Văn-Khuông rất hậu.

Văn Khuông đem mâm vàng lụa phẩm vật dâng lên, rồi lẩn trốn về.

Chúa Trịnh Tráng sai rạch mâm ra xem thấy bên trong có một đao sắc, và một tờ thiếp có chữ rằng :

(chữ)

Mâu nhi vô dịch
Mịch phi kiến tích
Ái lạc tâm trường
Lực lai tương địch

(nghĩa)

Xà mâu không mấu
Tìm không thấy dấu
Tấm lòng thương xót
Sức đến cùng đấu.

Chúa tôi họ Trịnh đều ngẩn mặt ra nhìn nhau chẳng ai hiểu ra cái quái gì cả. Sau có quan Thiêu-úy Phùng - khắc - Khoan, hiểu được đoán rằng : chữ mâu 矛 mà không có nét phết thành ra chữ dư 予 chữ Mịch 覓 không có chữ kiến thành ra chữ bất 不 chữ Ái 愛 không có chữ tâm 心 thành ra chữ 受 thụ Hai chữ lực và lai 力 來 họp lại với nhau thành ra chữ 勑 sắc.

Đây là một bài thơ chiết tự, nghĩa là :

— Dư bất thụ sắc — Ta không nhận sắc. Nghe xong Trịnh-Tráng giận lắm, sai bắt Văn-Khuông, thì Khuong đã cao chạy xa bay rồi. — Chúa Trịnh xuất binh vào đánh nhưng bấy giờ ở Cao-Bằng, Hải-dương đang có loạn nên lại thôi không đánh Nam nữa.

Sau khi Văn-khuông trở về rồi, chúa Nguyễn mừng lắm, khen ông Đào duy-Từ rằng : « Duy-Từ tức là Tử-Phòng ngày nay vậy » bèn hậu thưởng cho ông và thăng chức Cai-Hạp.

LÃNG-VÂN
Huỳnh-BÁ-H ền
— thuật —

Nhân dịp hội chợ

Tiếp theo trang 6

Vài phút sau, cỗ xe song mã sang trọng của ngài dừng bánh trước hàng quân sĩ. Nhạc nhà binh thổi lên chào ngài.

Ông De Jouquières, hội trưởng « Ủy ban canh nông và công-nghệ » đứng ra nghinh tiếp quan thống-đốc de La Grandière và gia quyến ngài.

Sau bài diễn văn của ông Jonquières và lời đáp từ của quan thống-đốc de La Grandière, cuộc phát thưởng bắt đầu trong một bầu không khí yên lặng nghiêm trọng đầy ước ao chờ đợi.

Người thứ nhất được gọi tên là một cụ già chưn đi không vững Cụ lãnh một cái đồng hồ treo tuyệt đẹp, phần thưởng cụ đã có công lập thành một cơ-quan nông nghiệp. Lần lượt từng người trúng thưởng vui-vẻ bước lên khán đài khi nghe gọi tên mình, để lãnh hoặc một cái huy chương, hoặc một cái bằng cấp.

Đến 6 giờ chiều lễ tất, dân chúng rầm rộ kéo nhau ra về, hả hê, sung sướng. Tối đến, một buổi dạ-hội tại dinh quan thống đốc có đông đủ các quan khách Pháp-Nam-Mên-Tàu để kết thúc cuộc đấu xảo nông-nghệ nầy và lưu cho mọi người một mỹ-cảm nồng nàn.

◆

Cuộc triển-lãm kinh-tế nầy khai mạc nhằm ngày 25 Février. Bảy năm về trước, cách ngày 25 Février, 8 ngày (17 Février) thủy sư đô đốc Rigault de Genouilly hạ thành Sài-gon. Cũng tháng Février, năm năm về trước, đúng ngày 25 ấy, liên-binh Pháp-Y (Y-pha-nho) dưới quyền chỉ-uy của thủy-sư đô-đốc Charner đánh úp đồn Chí-hòa.

Nay kỷ-niệm hai ngày ấy tức là nhắc lại những cái vinh quang của các chiến công rực rỡ và cũng ngụ ý nhắc luôn cho dân chúng của năm 1866 biết rõ rằng 5 năm qua Pháp-quốc đã đủ thì giờ làm hoàn thành công-nghiệp của mình ở Nam-kỳ là dẹp yên các mối phiến loạn và lo đến phận sự lớn lao và tìm hạnh phúc cho đám dân đã vui sống dưới quyền cai-trị của nước Pháp.

Cuộc đấu - xảo đầu-tiên trên đất Việt này, riêng đối với dân bản-xứ còn có một ý nghĩa tốt đẹp và một ảnh hưởng xâu-xa vì chẳng những đó là tiếng gọi của canh nông và kỹ nghệ để kích thích nhân tâm về đường tiến-bộ, mà còn là một cơ hội luyện tập họ cho quen với những lợi ích của cái văn minh Tây phương do người Pháp truyền sang

Tiếng gọi ấy đã đặng hiểu biết, việc làm ấy đã có kết quả mỹ-mãn và có tiếng dội đến tận Thần kinh. Đó mới thật là một thắng lợi về tinh thần không kém phần vẻ vang cuộc thắng trận ở Chí hòa.

Cái kết quả tốt đẹp, ngoài tưởng tượng, của cuộc đấu-xảo công-nghệ năm 1866 đã nông-chí nhà cầm quyền nên năm sau 1867 dân chúng Nam - kỳ còn đặng xem một cuộc đấu-xảo có phần lớn lao huy hoàng hơn thập bội.

KHUÔNG-VIỆT

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt - Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách : VIỆT-NAM VĂN - PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc - kỳ, nên đọc quyển PHẬT - LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

de Hanoi à la Courtine

(Septembre 1939 — Juin 1940) của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50

Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p 50.

Tám ngày dưỡng bệnh

AI cũng rõ những sự kỳ-quặc của tòa án Mỹ đối với các tội-nhân bị án tử-hình : vừa có độ lượng, vừa độc-ác một cách cương-quyết.

Không tháng nào là không có những bằng chứng mới về sự lạ-lùng đó.

Tên Norman Williams, một tội nhân ở đề lao Fulton ở Atlanta, trước khi phải đem lên ngồi ghế điện, được viên chủ ngục nài cho biết những sở-thích cuối-cùng của hắn.

Norman quả-quyết rằng y chẳng muốn gì hết, nhưng viên giám đốc nhà đề-lao cứ cố nài, nên y sau rốt phải trả lời :

— Đã lâu năm tôi đau cuống họng, tôi đã định đi mổ những hạch đó từ lâu, vậy tôi muốn vứt chúng đi trước khi...

Người ta liền mời một nhà y-học chuyên-môn nổi tiếng tới khám : Norman liền được lệnh vào nằm ở bệnh viện của đề-lao để mổ hạch ở cổ và được săn sóc một cách rất chu-đáo trong tám ngày.

Sau khi Norman bình-phục, người ta liền dắt y một cách e-dè nề nang vào buồng có ghế điện để y trả nợ những tội phạm của y.

(MESSIDOR)

Mạnh-Phan dịch

Sách, báo xuất-bản nhiều chăng nữa vẫn không giúp ích được nhiều cho nền văn - chương, nếu phần đông người mình còn chưa biết đọc.

KHÔNG lúc nào bằng lúc này, nền văn - chương việt - nam ta được các bậc tri-thức, các nhà cầm - bút có thực-tài, tận-tâm nâng-đỡ và bồi-đắp thêm mãi lên. Những vấn - đề bổ-ngữ hay đính - ngữ được luôn luôn đem ra bàn - luận. Những từ-điển, những văn-phạm, những văn-học-sử kế tiếp nhau xuất-hiện trên các báo trương hoặc trong các cửa hàng sách.

Không lúc nào bằng lúc này, các ấn-loát-gia, các xuất-bản-cục thi nhau để khai-trương, và mặc dầu có một trở-lực là nạn khan-giấy một số lớn báo, chí, sách, truyện được phát-hành, nhan - nhản đầy trong những tủ hiệu.

Sách nhiều, văn nhiều như thế ; xong, trái lại, số người đọc lại không nhiều hay nói cho đúng người biết đọc rất hiếm. Đọc để mong rộng đường kiến - thức, để thâu-nhặt lấy cái hay, cái giá - trị của văn-chương, cuốn sách, để hiểu biết những công-trình, những dụng-ý của tác-giả, hình như phần đông người mình không hề tưởng-tới. Có thể nói được rằng phần đông người mình chưa biết đọc. Người mình chỉ biết có một điều là « xem » ; và họ xem để mà xem, để giết thì-giờ, để chờ giấc ngủ. Thế thôi !

Có người vớ được một tờ báo hoặc một quyển tạp-chí, giở lia-lịa xem từ trang đầu đến trang cuối rồi, rút-cục, phê ngay một câu thậm vô-nghĩa : « chẳng có gì ! » Mua được một cuốn truyện, hoặc nhất là mượn được, có người chỉ vội đưa mắt trên giòng chữ, ngốn-ngấu xem cho mau, xem lấy được mục-đích là mong được tường cốt-truyện ra sao và kết-cục sẽ có ly-kỳ hay không. Và, khi họ đã xem xong, nếu ta bảo họ đọc lại lần thứ hai, họ sẽ từ-chối ngay và còn tỏ vẻ như muốn liệt ta vào hạng người dở-dẩn. Thà ràng ta bắt họ chịu một hình-phạt nặng-nề, có khi họ lại ưng thuận hơn là xem lại mãi một cuốn sách.

Hễ gặp một người nào xem xong một đoạn văn (tạm nói là một đoạn văn, chưa cần nói một tờ nhật-trình, cuốn tạp-chí hay quyển tiểu-thuyết) bạn thử phỏng-vấn họ, bạn sẽ được biết cảm-tưởng của họ ra sao.

— « Khô-khan ! », nếu đoạn văn đó họ xem thuộc về giáo-khoa ;

— « Thường vậy ! », nếu đó bàn tới một nghị-luận ;

— « Xem được ! », nếu đó là một trang tiểu-thuyết.

Rồi, tất bạn cũng đồng ý với tôi công nhận rằng phần nhiều người mình chỉ biết, trong số báo, sách..., chọn lấy một quyển tiểu-thuyết để xem. — (tiểu-thuyết đây, là nói theo một nghĩa chung, không phân - biệt nhảm-nhí hay bổ-ích, vì mục-đích bài này không bàn đến vấn-đề sách có hại, có lợi. Vấn-đề đó, báo, chí xứ này hằng đã nói đến nhiều lần).

Hoặc giả, thấy cuốn sách trên mặt bàn, ta thử giở ra coi, bất cứ một trang nào, ta sẽ lưu-ý ngay đến những nét ngoặc, những giòng gạch (trait de soulignement) đánh dấu một đoạn hoặc một câu văn mà một độc giả nào đã cao hứng bôi vẽ vào đó. Đoạn văn đánh dấu kia là một đoạn có những câu văn thật hay ư ? có những tư-tưởng cao siêu ư ... Chớ vội tin ; đó chỉ là những lời thiết-tha của đôi trai-gái tình-tự, nếu không là những điều dâm-ô đã được diễn tả một cách tỉ-mỉ rõ-ràng.

Nghị-luận ? Lý-thuyết ? Có ai coi vào đâu ! Trong lúc xem, người ta bỏ cách-quãng chúng nó đi, để được mau sang đoạn truyện lãng-mạn, ly-kỳ.

Chưa một người nào tỏ vẻ sung-sướng, tìm người thứ hai, để khoe một tư-tưởng hoặc một đoạn văn tuyệt-tác mà mình vừa đọc được. Chưa một ai đã chịu khó đọc đi đọc lại một đoạn văn, hoặc nhờ người khác giảng giúp cho, để mong hiểu lấy những nghĩa thâm thúy của câu văn và, sau nữa, biết rõ những dụng-ý của tác-giả.

Hình như, trong số đông người mình, ai cũng cho rằng văn-chương việt nam không có gì đáng gọi là khó. Người lớn, trẻ con, người nào xem đến đâu cũng có thể hiểu được đến đấy lắm. Và, khi đã là độc giả, người nào cũng yên trí rằng trong bụng mỗi người đã sẵn có một quyền tự-vị riêng. Đọc quốc văn, từ xưa đến nay, người mình đã ai phải tra cứu tự-vị bao giờ đâu !

. . .

Trong công cuộc sây đắp lại và tu-bổ thêm cho nền văn chương việt nam ta, đã đành một phần lớn là phải cần có những nhà văn, những người cầm bút chính đáng, nhưng một phần nữa cũng phải cần có những người biết đọc.

Một khi người ta đã biết đọc thì, khi ấy, những loại báo sách nhảm-nhí cứ tự nhiên phải giảm giần đi và, sau cùng, không còn giám xuất-hiện ra nữa.

Sách, báo xuất bản nhiều chăng nữa, vẫn không giúp ích được nhiều cho nền văn-chương, nếu phần đông người mình còn chưa biết đọc.

HOA-NAM và CÂY-THÔNG

SỐ 3

TIỂU-THUYẾT DÀI

THOÁT CUNG VUA MẠC

CHU-THIÊN viết

PHAN-CÔNG mang thư lên nhà khách, vào nói với Nguyễn Bái rằng :

— Lão phu lấy làm khổ tâm không dỗ nổi con bé ! Dám phiền quý công tử về bẩm với Đô đốc tha tội cho lão phu đã không dậy nổi con để phiền cho tướng công và quý công tử.

Nguyễn Bái nói :

— Các hạ cứ để cho tiểu tử gần tiểu thư, tiểu tử thay các hạ sẽ dạy được hết. Rồi ra bảo gì cũng sẽ phải nghe. Đàn bà con gái chỉ có một lối thôi.

— Qúy công-tử nghĩ lầm vậy đấy chứ. Con lão-phu đâu có giống như những phường giăng hoa đầu đường xó chợ. Nó đã khó bảo là khó bảo. Đợi khi nào dỗ được nó, lão-phu sẽ thân đến tìm công-tử. Chỉ sợ lúc ấy công-tử lại chê thôi chứ. Ở thời-buổi này chả qúy công-tử thì còn qúy ai hơn ? Vậy công-tử nên mang những lễ-vật này về trình tạ tướng-công. Việc không thành lão phu không dám nhận.

Thày trò Nguyễn Bái đành phải mang lễ-vật và thư của Phan-công, ra về tiu-ngỉu như chó mất tai. Nét mặt hầm hầm giận dữ, Nguyễn Bái hung-hăng lầm-bầm :

— Rồi sẽ biết tay ông !

Nhưng ra đến thuyền, hắn lại đổi giọng :

— Không có Liên-Tường, thì ta sống cũng bằng thừa, vô-ích ! Ta phải lấy cho kỳ được Liên-Tường. Liên-Tường nàng hỡi ! Ta yêu quý nàng vô ngần.

III

Nguyễn-Tân xem xong thư, mầu đỏ bốc lên mặt, gượng cười bảo con rằng :

— Cha đã biết mà ! Họ thoái-thác một cách khéo đấy thôi. Để rồi ta sẽ liệu. Con cứ yên tâm.

Tuy vậy, Nguyễn-Bái vẫn buồn thiu, về phòng riêng nằm luôn mấy ngày không giậy. Thường khi vật mình vật mẩy thở-than với bóng :

— Căm tức lắm a ! Đáng giận cái lão đồ gàn, râu dài trán hói kia ! Cha ta đường đường một vị cao-quan, quyền-thế hách-dịch, mà ta cũng là một bậc kỳ-nam-tử, chứ có hèn-kém gì, ai ai cũng còn phải kính phục sùng-bái, thế mà không đáng mặt giai-tế nhà họ hay sao ? Cái thói khinh bạc của họ đến thế là cùng ! Rồi ta sẽ sử lại cho mà coi ! . . .

Có lúc hắn ngồi nhỏm dạy nói một mình :

— Phan Liên-Tường thật là một trang tuyệt thế giai-nhân. Làm giai như ta mà không lấy được con người ngọc ấy thật cũng uổng-phí một đời. Nhưng dù đâu ngăn trở chí ta đã quyết, ta thề lấy cho kỳ được nàng mới thôi. Liên-Tường tiểu thư ơi !

Nguyễn-Bái đương ủ-rũ buồn thiu như vậy thì một tên gia-nô thân-tín là Trần-Ngũ vào tán mãnh cho hắn khuây-khỏa ;

— Làm sao mà mấy hôm nay công-tử buồn dữ thế, không ra ngoài chơi ? Hay có kẻ nào vô-lễ, công-tử cứ nói cho con biết, để con thịt nó đi nào ! Hẳn công-tử cũng biết việc khó đến đâu, con cũng lầm được tuốt !

Nguyễn-Bái thở dài nói :

— Điều này ta không thể nói ra. Mà có nói, mi cũng chẳng giúp được gì, ta biết !

Nói rồi, hắn lại đập tay đập chân, vật vã. Trần-Ngũ mỉm cười hỏi gặng :

— Điều chi mà công-tử lại bí mật giữ cay đắng trong lòng như vậy ?

Mi không hiểu được cái nỗi buồn riêng của ta, thôi ta cũng chẳng thiết sống làm gì !

Trần-Ngũ nhìn Nguyễn-Bái, cười một cách hóm-hỉnh, nối lời :

— Ồ, cái buồn riêng của công-tử, con biết rồi. Cái món Phố-Hiến ấy chứ gì ? Ừ nếu vậy con cũng buồn thay cho công-tử. Con người ấy được làm bạn với công-tử, tưởng cũng quá phận, thế mà lại còn làm cao, nghĩ cũng đáng tức thật ! Đấy con quan, đây cũng con quan, mà lại quyền thế gấp mấy, chứ có lép nước gì !

Nguyễn - Bái thẹn đỏ mặt lên ngượng ngùng nói :

— Món ấy không thành, ta thề không lấy ai nữa !

— Vậy ra công-tử tiếc món ấy đến thế kia à ?

— Con người như thế, ai mà chả phải yêu ?

— Nếu vậy công-tử có muốn gặp con người đó không ?

— Ta ước gì được gặp mặt một lần ôm lấy ngọc thể nhuần chút thơm lây, rồi chết cũng cam lòng ! Mà nghĩ mãi chửa ra mưu kế gì ! Tai hại !

— Vậy thì con xin hiến công-tử một kế !..

Nguyễn - Bái đương nằm, ngồi nhỏm ngay dậy. hỏi rật :

— Kế gì ! Kế gì ? Nói mau.

Trần - Ngũ ghé miệng vào tai Nguyễn-Bái nói thầm một lúc lâu. Nguyễn-Bai lắc đầu lè lưỡi nói :

— Kế đó diệu thật ! Nhưng khí tàn nhẫn. Thôi ta cũng đành theo mi vậy. Mi phải giữ bí-mật đấy nhé

Chiều tối hôm ấy một chiếc đại quan thuyền sắp đủ khí-giới và mười lăm tên côn đồ ăn vận binh phục, sẵn sàng đợi lệnh Nguyễn-Bái là nhổ sào. Giờ tối đã lâu, trên lầu đã thủng thẳng điểm trống cầm canh, chiếc thuyền lừ đừ tiến về mạn xuôi, phụng mệnh quan đô đốc kinh thành, đi tuần giang không còn ai dám ngăn hỏi nữa. Ra ngoài châu thành độ dăm dặm Nguyễn-Bái sai bọn đầy tớ lên bãi tha ma đào trộm cái mả mới lấy một cái thây ma. Rồi hắn cho thuyền băng băng rẽ sóng tới thẳng trại Phan-công. Lúc ấy đã sang đến trống canh ba. Bốn bề đã im lặng chỉ còn tiếng dế kêu rên rỉ như khóc than thương tiếc, Bọn cướp cứ lặng lẽ phá lũy tiến vào, rào rào như nước chảy.

— Cướp! ôi làng nước ôi! cướp, ối làng nước ôi! cướp! ối làng nước ôi! Cướp! ôi làng nước ối!

Bọn gia-nhân thấy động tỉnh giậy hoảng hốt kêu ran lên, chạy tán loạn. Nhưng muộn mất rồi. Bọn cướp đã vào đến nơi phá được cửa bắt ông bà Phan-công bỏ vào buồng khóa chặt cửa lại. Còn Liên-Tường tiểu thơ bị chúng nhét rẻ vào mồm đem bỏ vào cái túi cói giao cho Trần-Ngũ vác ra thuyền. Bọn cướp đi lục soát qua loa, rồi bỏ thây người chết vào cái nhà gianh ngoài cồng phóng lửa đốt cháy ngùn ngụt. Đoạn chúng chạy tháo cả xuống thuyền tẩu thoát. Vì trại Phan-công ở xa làng mạc và bọn cướp vào ra rất nhanh chóng, nên các làng lân cận tiếp cứu không kịp, thuyền bọn cướp được ung-dung bình thản, vượt sóng trở về. Bọn thầy trò Nguyễn-Bái đang hớn hở vui mừng vì công cuộc đã thành. Nguyễn-Bái chia tiền thưởng bọn tôi tớ xong, liền đến ngồi bên bao cói, ôm ghì lên chốc, hôn hít lấy hơi thơm, bụng mơ màng nghĩ đến cuộc ái ân sắp được hưởng với con người ngọc ngày đêm mơ tưởng. Dạ bồn chồn chỉ mong cho chóng đến nhà mà dầy vò tấm thân ngà-ngọc. Hắn nghĩ bụng :

Nào bây giờ có mà chạy đi đâng giời, xem cha nàng có còn kiêu kỳ nữa không. Nhưng vì nàng rồi ta cũng phải đối với cha nàng tử tế chứ. Người thế này ai nỡ làm cho nàng buồn !

Nhưng thuyền vừa đến Kim-Quan chỉ còn cách kinh thành độ năm dặm nữa, thì có ba cái thuyền ra chắn ngang sông, trên lố nhố những người là người. Lúc ấy đã sang đầu trống năm. Lệ thường các thuyền buôn cứ lúc ấy đã qua đấy để kịp lên họp chợ kinh thành sớm. Nên một bọn chuyên môn cướp sông thỉnh thoảng lại đón đường làm một mẻ. Hôm nay cũng vậy, chúng vừa trông thấy quan thuyền đã toan chạy, nhưng thấy trong thuyền có bao cói to, tưởng là tiền bạc nên cứ sẵn lại đánh. Nguyễn-Bái thấy vậy bèn quát to lên rằng :

— Bọn cường đạo kia ! Không được vô-lễ. Ta là con quan Nguyễn đô đốc phụng mệnh đi tuần giang đây. Muốn sống tránh ra để lấy lối ta đi, bằng nghịch-mệnh, ta lấy đầu chúng bay ngay lập-tức !

Một tên đầu đảng trong bọn cười lên sằng sặc mà rằng :

— Ngỡ là ai ? té ra mi là con anh hàng thịt cổ chai đó có phải không ? Bây giờ chúng tao mới biết mặt con khỉ sám kinh thành ! Cha con mi bấy lâu cậy thế làm càn, đêm nay chúng tao xả thân mi ra để đền mạng cho bao súc sinh ngày trước và để trừ mối hại cho nhân dân chốn này ! Đánh ! đánh đi ! Các anh em! Đánh bắt lấy con khỉ sám !

Bọn chúng thúc quân vào đánh ba chiếc thuyền ba mặt sông vào.

Nguyễn-Bái cả giận cũng đem thủ hạ ra đánh, miệng luôn hô :

— Đánh đi ba quân ! Đánh đi. đánh bắt hết bọn cường bạo lấy đầu đem về nộp quan đô đốc lĩnh thưởng.

Nhưng sức hèn tài kém địch không nổi Nguyễn - Bái bèn giục chèo thuyền vào bờ tìm lối chạy thoát thân Bọn cướp sông cũng cố sức đuổi theo, trên quan thuyền vừa chống vừa lui thế rất nguy cấp. Trong khi luống cuống chen nhau, Trần-Ngũ vác bao cói nhảy lên bờ cố chạy trước, chẳng may chượt chân ngã lăn ra, sực nặng trong bao chụt tòm xuống sông mất chỉ còn trơ lại cái bao không trong lúc sợ chết, chạy thục thân, Trần-Ngũ không thiết vớt bỏ cả bao không cắm đầu chạy bạt mạng.

Đuổi bọn Nguyễn-Bái chạy tản nét cả rồi, lũ cường đạo trở lại thuyền chỉ thấy trơ cái thuyền không, trông nhau cả cười rồi cùng nói to lên rằng :

— Quan thuyền đi tuần giang đây, đứa nào cản đường sẽ bị lấy đầu nghe không ?

Cả bọn lại cười ồ, cùng xuống thuyền lục soát lấy khí giới và mọi thứ lặt vặt đem sang thuyền chúng rồi chia nhau tẩu tán đi các nơi. Lúc đó trời đã mờ mờ sáng.

Im không có tiếng người nữa và giời đã sáng rõ, bọn Nguyễn-Bái mới lại lục-tục trở ra thuyền. Nguyễn-Bái xuống thuyền, sai bọn đầy tớ đi tìm ở ven sông may ra còn thấy bóng hồng thấp thoáng trên mặt nước. Hắn lại bắt cả người lội xuống mò. Còn hắn thì cầm bao cói mân-mê ngắm nghía ôm lấy vào lòng, ngửi lên mũi như một bảo-vật vậy. Tìm kiếm hồi lâu chẳng được lợi gì, Nguyễn-Bái mới đành chịu cho chèo thuyền về. Lúc ấy, vừa buồn vừa tức, vừa sợ thơ-thẩn tự trách rằng :

« — Nghĩ uổng công chửa ! phí mất bao tâm cơ ! Rõ vô-duyên quá, đã cướp được mỹ-nhân vào tay mà thành bại sự, của đến mồm mà chẳng được ăn, tí nữa lại nguy cả đến tính-mạng ! Hú-vía !

Càng nghĩ càng tiếc của, phát điên lên được, Nguyễn-Bái quay lại mắng Trần-Ngũ :

— Mi rõ vô dụng quá, giao cho cái việc vác bao, không chịu cẩn-thận để rơi mất, mi còn nói tài nói khéo nữa thôi !

Trần-Ngũ bẽn-lẽn thưa :

— Dạ ! bẩm công-tử xét cho chứ, con vẫn hết sức, nhưng vì nhỡ ra trượt chân ngã, đánh rơi, nếu quay lại vớt thì có lẽ cũng uổng mạng với bọn kia rồi. Còn đâu mà ngồi đây chịu mắng nữa ! *Còn nữa*

CHU-THIỆN

Ô - tô, nhà lầu,
vợ đẹp, con khôn,
tiền của nhiều...

Đó là cái mộng tưởng của hầu khắp mọi người.

Muốn có cơ dễ đạt cái mộng tưởng ấy, chỉ có một cách

mua vé số

ĐÔNG-PHÁP

1$00 một vé

Nhà thuốc tường đỏ

ĐỨC - PHONG

45, Phố Phúc-kiến Hanoi

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam, thuốc sống, bào chế, các thứ sâm, được tín nhiệm xưa nay về 3 đặc điểm: Thuốc tốt, cân đúng, giá phải chăng.

MỚI PHÁT HÀNH 4 MÓN

Thuốc kinh nghiệm rất quý

1·) Thuốc bổ thận Đức-phong giá 1p.50
Chữa các chứng thận hư: di tinh, mộng tinh khí hư

2·) Thuốc điều kinh bổ huyết Đức-phong giá 1p.20
Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho các bà, các cô.

3·) Thuốc bổ tỳ tiêu cam Đức-phong giá 1p.00
Chữa chứng cam run, thuốc bổ của trẻ em

4·) Thuốc đại bổ Đức-phong giá 1p.50
Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI: Hiệu thuốc Đức-tiến, 200b Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ 52 bis Bạch-mai Hanoi, hiệu Đức-hưng-Tường 437 Ngã tư Trung-hiền Hanoi, hiệu Mai-Lĩnh 60 62 Paul Doumer Haiphong, hiệu Mai-Lĩnh 120 Geoges Guynemer Saigon, hiệu Đậu-hiện 81 rue Harmand Hưng-yên, hiệu Đức-thịnh 126 phố Tiền-An Bắc-ninh. *Nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng Da Hanoi*

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p 60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm khong hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục: 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh*. 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh

Imp. spéciale du Tri-Tân Administrateur-gérant: Dương-Tụ Ô